



# CÔNG BÁO

*Do UBND tỉnh Phú Thọ xuất bản*

Số 17

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

## MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

### PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

29-12-2006	Quyết định số 3655/2006/QĐ-UBND về kế hoạch thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2007 - 2010 của tỉnh Phú Thọ.	3
29-12-2006	Quyết định số 3656/2006/QĐ-UBND về giá đất và bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.	15
29-12-2006	Quyết định số 3664/2006/QĐ-UBND v/v ban hành kế hoạch thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy Phú Thọ về công tác phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2007 - 2010.	111
29-12-2006	Quyết định số 3666/2006/QĐ-UBND v/v ban hành chính sách hỗ trợ phát triển cây chè tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2007 - 2010.	120

---

29-12-2006	Quyết định số 3667/2006/QĐ-UBND v/v ban hành chính sách hỗ trợ phát triển cây ăn quả của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2007 - 2010.	122
29-12-2006	Quyết định số 3668/2006/QĐ-UBND v/v ban hành chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao vùng trọng điểm tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2007 - 2010.	124
29-12-2006	Quyết định số 3669/2006/QĐ-UBND v/v ban hành chính sách hỗ trợ phát triển cây lương thực tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2007 - 2010.	126
29-12-2006	Quyết định số 3670/2006/QĐ-UBND v/v ban hành chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2007 - 2010.	128
29-12-2006	Quyết định số 3672/2006/QĐ-UBND v/v quy định tỷ lệ (%) phân chia các nguồn thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Phú Thọ thời kỳ năm 2007 - 2010.	130

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3655/2006/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 29 tháng 12 năm 2006

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về kế hoạch thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy  
về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2007 - 2010  
của tỉnh Phú Thọ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Chương trình hành động của Tỉnh ủy số 07-CTr/TU ngày 07/11/2006;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2007 - 2010 của tỉnh Phú Thọ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thành thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Doãn Khánh (đã ký)**

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA TỈNH ỦY  
VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ GIAI ĐOẠN 2007 - 2010**

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 3655/2006/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm  
2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ*

**A - MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH**

- Thực hiện ngay và có hiệu quả một số giải pháp nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm và tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị; trong mỗi cán bộ, công chức, viên chức và người dân về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thành nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, các ngành, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực của địa phương để phát triển kinh tế - xã hội. Ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng lãng phí đang diễn ra hiện nay.

- Nâng cao chất lượng công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn liền với công cuộc chống tham nhũng và tiêu cực của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và của công dân.

Kế hoạch thực hiện chương trình hành động được xây dựng cho giai đoạn thực hiện từ năm 2007 đến năm 2010. Sau khi tổng kết, rút kinh nghiệm sẽ sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

**B - NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH****I - Tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (hoàn thành trong quý I/2007):**

1. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành thị phối hợp với các đoàn thể, tổ chức quần chúng, có trách nhiệm tổ chức học tập quán triệt Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Chương trình hành động của Chính phủ, Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cấp mình, ngành mình, đơn vị mình đến từng cán bộ, công chức, viên chức, hội viên thuộc phạm vi quản lý nhằm tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức, hành động, việc làm cụ thể tạo chuyển biến thực sự trong lề lối làm việc, cải cách hành chính và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Sở Tư pháp, có kế hoạch hướng dẫn triển khai đợt học tập, nghiên cứu quán triệt Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí và các văn bản hướng dẫn trong cán bộ, công chức, viên chức.

2. Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật của tỉnh đề ra các biện pháp phổ biến phù hợp với từng đối tượng, đẩy mạnh hoạt động của đội ngũ báo cáo viên pháp luật tỉnh.

3. Báo Phú Thọ, Đài PTTH tỉnh Phú Thọ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên các phương tiện thông tin đại chúng với các hình thức thích hợp và có hiệu quả; xây dựng các chuyên mục “Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” nêu gương người tốt, việc tốt trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kịp thời phản ánh, phê phán, lên án các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, gây lãng phí.

## **II - Cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật; hoàn thiện hệ thống định mức, tiêu chuẩn, chế độ làm cơ sở để triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (hoàn thành trong quý II/2007):**

1. Sở Tư pháp chủ trì xây dựng kế hoạch hướng dẫn các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành thị trong phạm vi, lĩnh vực quản lý thực hiện việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến các quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để có ngay kế hoạch bổ sung, sửa đổi, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành; loại bỏ các quy định không phù hợp với yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các quy định không chặt chẽ, gây lãng phí ngân sách Nhà nước, tiền, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên thiên nhiên.

2. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành, thị triển khai thực hiện tổng rà soát các định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong các lĩnh vực, đặc biệt tập trung vào lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước; đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, công trình phúc lợi công cộng và tài sản công khác; khai thác, quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; lập danh mục các định mức, tiêu chuẩn, chế độ, định mức kinh tế - kỹ thuật còn thiếu hoặc không còn phù hợp trong các lĩnh vực chuyên ngành để có kế hoạch sửa đổi, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Hoàn thành về cơ bản việc sửa đổi, bổ sung, ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ, định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý các vi phạm; quản lý nghiêm ngặt việc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã ban hành; công khai định mức, tiêu chuẩn, chế độ, định mức kinh tế - kỹ thuật để tạo điều kiện cho việc giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Cụ thể đối với một số đơn vị như sau:

*a) Sở Tài chính chủ trì chịu trách nhiệm:*

- Rà soát các tiêu chuẩn, chế độ, định mức đối với lĩnh vực quản lý sử dụng ngân sách Nhà nước; quản lý và sử dụng trụ sở việc làm, mua sắm trang bị tài sản phương tiện làm việc; giá đất các loại và chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất do UBND tỉnh ban hành đến nay không còn hiệu lực cần đề xuất bãi bỏ hoặc không phù hợp quy định của pháp luật thì đề xuất cho sửa đổi. Nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung phương án phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ dự toán ngân sách địa phương thời kỳ ổn định (giai đoạn 2007 - 2010) theo hướng tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các ngành, các cấp ngân sách.

*b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì chịu trách nhiệm:*

Nghiên cứu xác định các tiêu chí làm cơ sở cho việc xây dựng định mức phân bổ dự toán chi đầu tư XDCCB cho các huyện, thành thị. Phối hợp các Sở chuyên ngành rà soát đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình về quản lý đầu thầu, quản lý đầu tư và xây dựng; trình UBND tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật trong xây dựng theo quy định của pháp luật.

*c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ điều hành các chương trình, dự án theo phân cấp có kế hoạch sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của các chương trình, dự án. Tổ chức đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của từng chương trình, dự án từ đó sửa đổi hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thủ trưởng các cơ quan nói trên được giao nhiệm vụ điều hành các chương trình dự án phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh, trước pháp luật nếu đề công trình xảy ra sai sót, chất lượng kém gây lãng phí ngân sách Nhà nước.*

*d) Các Sở, ban, ngành:* Chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng các tiêu chuẩn, chế độ, định mức trong việc sử dụng các nguồn tài chính thuộc lĩnh vực mình quản lý, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm. Các cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế khoán và tự chủ tài chính phải xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ thông qua hội nghị cán bộ, công chức đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2. Các tiêu chuẩn, chế độ, định mức phải được công khai đầy đủ để tăng cường giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Quản lý nghiêm ngặt việc thực hiện các tiêu chuẩn, chế độ, định mức đã ban hành.

3. Việc sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, chế độ, định mức phải trên cơ sở quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

### **III - Thực hiện công khai tạo điều kiện kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:**

*Định kỳ, theo thời gian quy định của các cấp có thẩm quyền:*

1. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành thị chỉ đạo hướng dẫn các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện nghiêm túc các quy định về công khai trong các lĩnh vực từ tiêu chuẩn, định mức, chế độ đến kết quả kiểm tra, thanh tra, xử lý các hành vi vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức Nhà nước phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật, trước hết tập trung việc công khai việc sử dụng ngân sách Nhà nước và các nguồn tài chính khác (nếu có); công khai mua sắm, sử dụng trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại; công khai quản lý và sử dụng trụ sở làm việc, công trình phúc lợi công cộng và các tài sản khác trong cơ quan, đơn vị.

- Thường xuyên tổ chức thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chấp hành quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại đơn vị về sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Bộ Tài chính để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các sai phạm. Có trách nhiệm chấp hành các quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê, Mục lục ngân sách Nhà nước; thực hiện chế độ quyết toán và công khai tài chính ngân sách theo đúng quy định hiện hành.

- Phát huy vai trò giám sát của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Thành lập các “hòm thư, đường dây nóng” để tiếp nhận các thông tin phản ánh, nhằm kịp thời phát hiện và xử lý đối với những cá nhân, tổ chức vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính phối hợp tăng cường công tác kiểm soát chi ngân sách đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, kiên quyết không thanh toán những khoản chi vượt chế độ, định mức, không đúng mục đích, không đúng đối tượng.

4. Sở Tài chính tăng cường kiểm tra công tác quản lý tài chính, tình hình chấp hành chế độ kế toán tại các cơ quan, đơn vị, DNNN; làm tốt công tác thẩm định quyết toán tài chính hàng năm, nhất là quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, giá trị đền

bù giải tỏa, xuất toán những khoản chi không đúng chế độ, định mức theo quy định của pháp luật.

5. Các Sở, ban, ngành đoàn thể, ủy ban nhân dân các huyện, thành thị có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện công khai trong các đơn vị thuộc phạm vi quản lý và kết quả giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, định kỳ hàng năm báo cáo ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **IV - Tổ chức thực hiện có hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực:**

##### ***1. Quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước:***

a) Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước trong tất cả các khâu: Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng ngân sách Nhà nước chịu trách nhiệm giải trình việc quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước được giao theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

Các cơ quan Thuế, Hải quan, Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Quản lý thị trường và các đơn vị được ủy quyền thu ngân sách có trách nhiệm tổ chức thu, nộp kịp thời các khoản thu theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các Luật Thuế. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra chống gian lận thương mại, trốn lậu thuế, nợ đọng thuế, nhất là công tác kiểm tra sau hoàn thuế, sau thông quan. Phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm pháp luật về thuế và các khoản thu ngân sách Nhà nước.

Đến hết quý I hàng năm, Sở Tài chính phải hoàn thành công tác thẩm định việc phân bổ, giao dự toán của các cơ quan, đơn vị đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Trong quá trình thực hiện các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách phải tự sắp xếp, cân đối, lồng ghép các nhiệm vụ chi trong nguồn kinh phí được giao để thực hiện nhiệm vụ chi theo dự toán và các nhiệm vụ chi đột xuất phát sinh, hạn chế tình trạng phát sinh ngoài dự toán làm ảnh hưởng đến công tác điều hành ngân sách.

b) Đẩy mạnh thực hiện các cơ chế quản lý tài chính mới để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đặc biệt là thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong các cơ quan hành chính Nhà nước: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh hoàn thành việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý Nhà nước; phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thực hiện thí điểm đối với các cơ quan Đảng, ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể



theo tinh thần Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ trong năm 2007.

Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan chủ quản hoàn thành việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp có thu theo tinh thần Nghị định 43/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Sở Tài chính thực hiện việc rà soát, đề xuất bố trí, sắp xếp lại các phương tiện đi lại hiện có thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định.

Tạm dừng việc mua sắm mới phương tiện đi lại ở cơ quan, đơn vị, tổ chức Nhà nước theo quy định của Chính phủ.

d) Tất cả các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách Nhà nước, khi tổ chức hội nghị tổng kết, lễ kỷ niệm phải kết hợp các nội dung để nâng cao hiệu quả, triệt để tiết kiệm chống lãng phí. Không được sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước để chi tiếp khách, quà biếu, quà tặng không đúng chế độ quy định.

e) Rà soát các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tập trung bố trí ngân sách Nhà nước cho những nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm cần ưu tiên đã được cấp có thẩm quyền tuyển chọn, có tính ứng dụng cao trong thực tế và phê duyệt (trừ những nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giao trực tiếp); không bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa đủ thủ tục. Thực hiện đình chỉ và chuyển kinh phí của các đề tài, dự án khoa học và công nghệ triển khai không đúng tiến độ, không có hiệu quả cho các đề tài, dự án khoa học và công nghệ khác có hiệu quả, cần đẩy nhanh tiến độ. Thu hồi nộp ngân sách Nhà nước kinh phí sử dụng không đúng mục đích, sai chế độ quy định;

Thực hiện cơ chế đấu thầu tuyển chọn cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Riêng đối với các đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí thì thực hiện theo cơ chế khoán kinh phí đối với phần kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp.

## ***2. Quản lý đầu tư xây dựng***

### ***a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm:***

- Tham mưu phân bổ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm theo đúng quy trình, quy chế quản lý đầu tư xây dựng hiện hành của Nhà nước đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện đầu tư có trọng điểm theo nguyên tắc ưu tiên vốn để trả nợ gốc và lãi vay đến hạn, vốn cho những công trình trọng điểm; công trình

hoàn thành đã phê duyệt quyết toán, công trình đã có khối lượng thực hiện nhưng chưa có nguồn vốn để thanh toán.

- Định kỳ vào tháng 11 hàng năm, chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung vốn ĐTXD hàng năm; thực hiện cắt giảm vốn các công trình chậm triển khai thực hiện, hoặc không đảm bảo thủ tục XD/CB theo quy định, hoặc đầu tư kém hiệu quả để điều chuyển vốn cho công trình dự án trọng điểm đang thi công nhưng thiếu vốn, các dự án công trình đã được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính rà soát các dự án đã và đang phát triển khai thực hiện để đánh giá hiệu quả đầu tư, tiến độ thực hiện, đề xuất biện pháp xử lý đối với những trường hợp thi công chậm so với tiến độ đề ra.

*b) Sở Xây dựng chịu trách nhiệm:*

- Đề xuất biện pháp nhằm đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 21/2005/CT-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về công tác đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn Nhà nước và chống lãng phí, thất thoát trong đầu tư xây dựng. Rà soát việc cấp giấy phép hành nghề tư vấn để xử phạt hoặc chấm dứt hoạt động đối với các đơn vị, cá nhân đã thiếu trách nhiệm trong việc lập hồ sơ và giám sát tác giả dẫn đến chậm xử lý hoặc gây lãng phí.

- Chỉ đạo Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định chất lượng công trình xây dựng tăng cường hơn nữa công tác kiểm định chất lượng từ khi công trình khởi công đến khi hoàn thành nhằm kịp thời phát hiện những sai sót, đề ra biện pháp sửa chữa khắc phục ngay từ khi phát sinh để tránh lãng phí, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định chất lượng công trình xây dựng.

*c) Sở Tài chính đơn đốc, hướng dẫn và thực hiện công tác thẩm tra, phê duyệt hoặc trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các công trình hoàn thành; kiên quyết cắt giảm những khoản chi không đúng quy định. Qua công tác thẩm tra quyết toán vốn đầu tư, tiếp tục đề xuất các biện pháp nhằm chấn chỉnh những sai sót trong quá trình chấp hành các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng.*

*d) Thủ trưởng các cơ quan chuyên ngành được giao nhiệm vụ thẩm định, phê duyệt và trình phê duyệt thiết kế, dự toán các công trình xây dựng cơ bản; các chủ đầu tư được giao nhiệm vụ điều hành dự án, công trình; Chủ tịch UBND các huyện, thành thị được phép phê duyệt dự án đầu tư theo phân cấp phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh, trước pháp luật nếu để công trình xảy ra sai sót, chất lượng kém gây lãng phí ngân sách Nhà nước.*

### **3. Quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ:**

a) Đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ giao cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và bảo đảm thực hành tiết kiệm.

Thứ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành thị thực hiện việc kiểm tra, rà soát diện tích, nhà công vụ đang quản lý để bố trí sử dụng hợp lý, đúng chế độ, tiêu chuẩn quy định để bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Không cấp thêm đất, không bố trí xây dựng trụ sở lần việc khi chưa hoàn thành việc sắp xếp sử dụng theo đúng tiêu chuẩn, diện tích đã có.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức Nhà nước thực hiện rà soát diện tích sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất để xác định giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị tài sản của đơn vị. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức có trách nhiệm bảo toàn quỹ đất được giao, bảo đảm sử dụng đất đúng mục đích và chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

### **4. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:**

#### **a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì chịu trách nhiệm:**

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát diện tích sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất để xác định giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị tài sản của đơn vị. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, chịu trách nhiệm bảo toàn quỹ đất được giao, bảo đảm việc quản lý và sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật.

- Rà soát lại các quy hoạch sử dụng đất đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích; đồng thời phối hợp với UBND các huyện, thành thị, tăng cường việc quản lý và thường xuyên kiểm tra chặt chẽ việc khai thác tài nguyên thiên nhiên về đất đồi, cát, sỏi trên các sông, không để xảy ra tình trạng khai thác trái phép, xâm phạm đến các công trình công cộng.

b) Các ngành, các cấp tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng theo tinh thần Chỉ thị của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn; hạn chế thấp nhất các hoạt động xâm hại rừng và cháy rừng.

c) Sở Công nghiệp phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong phạm vi quyền hạn, xây dựng phương án nhằm quản lý, khai thác, chế biến sử dụng các loại tài nguyên thiên nhiên khoáng sản. Triển khai thực hiện chương trình tiết kiệm điện đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

d) UBND các huyện, thành thị, xã, phường, thị trấn tăng cường công tác kiểm tra, quản lý đất đai trên địa bàn, nhất là các dự án đã được công bố quy hoạch chịu trách

nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu để nhân dân lấn chiếm sử dụng đất trái pháp luật.

**5. Đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực Nhà nước:**

a) Sở Nội vụ quy định hoặc tham mưu cho UBND tỉnh quy định, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức Nhà nước xây dựng cơ cấu ngạch công chức, viên chức hợp lý để sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện có; thực hiện tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức không đủ năng lực, không đáp ứng được yêu cầu chuyên môn và vi phạm kỷ luật lao động;

b) Sở Lao động Thương binh và Xã hội xây dựng chương trình đào tạo, sử dụng đội ngũ công nhân có trình độ tay nghề cao, nâng cao chất lượng lao động để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và ngoài nước;

c) Năm 2006, các cơ quan, đơn vị, tổ chức Nhà nước phải tăng cường việc giám sát thực hiện các quy chế, nội quy về kỷ luật lao động, đặc biệt là các quy định về sử dụng thời gian lao động;

**6. Đối với sản xuất và tiêu dùng của nhân dân:**

a) Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, ủy ban nhân dân các huyện thành thị phải:

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức về ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng, dành nguồn lực đầu tư vào sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích nhân dân tích cực tham gia các cuộc vận động mua công trái xây dựng Tổ quốc, trái phiếu xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội; các phong trào đền ơn đáp nghĩa.

- Triển khai cuộc vận động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các đoàn thể, tổ chức quần chúng; các thôn, xóm, bản, làng, cụm dân cư; tập trung vào việc xây dựng nếp sống mới, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, gây lãng phí. Phê phán các biểu hiện xa hoa lãng phí trong xã hội; đưa kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí thành nội dung xem xét đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và thành viên của mỗi tổ chức.

b) Sở Văn hóa Thông tin hướng dẫn việc triển khai quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo quy định tại Quyết định số 308/2005/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ; hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng biểu dương kịp thời các gương tốt và tạo dư luận xã hội, lên án, phê phán các hành vi vi phạm quy chế của Nhà nước về việc cưới, việc tang và lễ hội.

c) Đề nghị ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Phú Thọ trực tiếp đẩy mạnh việc xây dựng phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*”, thông qua đó khuyến khích nhân dân thực hiện tiết kiệm trong cưới hỏi, ma chay, tiền đến xóa bỏ những lễ hội lạc hậu gây lãng phí.

***V - Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:***

1. Kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm chống lãng phí là một nội dung của kế hoạch thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành của các Sở, ban, ngành. Là biện pháp để phát hiện, ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Năm 2007 công tác kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm chống lãng phí tập trung vào 7 lĩnh vực sau:

a) Quản lý, sử dụng đất đai;

b) Các dự án đầu tư sử dụng ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước;

c) Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, công trình phúc lợi công cộng;

d) Các chương trình quốc gia;

đ) Quản lý, sử dụng các nguồn viện trợ, tài trợ của nước ngoài;

h) Mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại;

i) Mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng trang thiết bị làm việc;

3. Các Sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thành thị:

- Chỉ đạo các đơn vị trong phạm vi, lĩnh vực quản lý của mình xử lý dứt điểm các vi phạm trong thực hành tiết kiệm chống lãng phí đã phát hiện qua kiểm tra, thanh tra những năm vừa qua. Kịp thời xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Thanh tra tỉnh chủ trì phối hợp với thanh tra các ngành có trách nhiệm thực hiện công tác thanh tra và báo cáo ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Kịp thời xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật; công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, gây lãng phí ngân sách Nhà nước, tiền, tài sản Nhà nước, lao động, thời gian lao động, tài nguyên thiên nhiên và việc xử lý các hành vi vi phạm đó;

**C - TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Căn cứ Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động này, các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị xây dựng Kế hoạch thực hiện chương trình hành động cụ thể của mình. Trong chương trình hành động của mỗi cấp, mỗi ngành, bên cạnh việc triển khai thực hiện tốt chương trình hành động của UBND tỉnh, cần xác định một số nhiệm vụ cụ thể thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý để tập trung chỉ đạo quyết liệt, tạo chuyển biến ngay từ đầu năm 2007; quy định cụ thể thời hạn thực hiện và hoàn thành; phân công người chịu trách nhiệm từng khâu công việc; hàng quý kiểm điểm, gửi Sở Tài chính báo cáo tình hình thực hiện để tổng hợp báo cáo ủy ban nhân dân tỉnh, trên cơ sở đó thông báo công khai kết quả thực hiện Chương trình hành động của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị; xử lý các trường hợp vi phạm.

2. Giao Giám đốc Sở Tài chính theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch này, tổng hợp tình hình và kết quả về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để theo dõi chỉ đạo chung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Doãn Khánh (đã ký)**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3656/2006/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 29 tháng 12 năm 2006

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về giá đất và bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Thông tư số 114/2004/TT-Bộ Tài chính ngày 26/11/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị quyết số 87/2006/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 08 tháng 12 năm 2006;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về giá đất và bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

**Điều 2.** Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 7/2006/QĐ-UBND ngày 09/01/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2007.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Doãn Khánh (đã ký)**

**BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2007**Đvt:  $\text{đ}/\text{m}^2$ 

STT	DIỄN GIẢI	Xã, phường, thị trấn		
		Đồng bằng	Trung du	Miền núi
		Giá 2007	Giá 2007	Giá 2007
<b>1</b>	<b>Đất trồng cây hàng năm</b>			
	Hạng 1	31.200	24.000	14.400
	Hạng 2	26.100	20.100	12.100
	Hạng 3	21.500	16.500	9.900
	Hạng 4	18.900	14.500	8.700
	Hạng 5	16.900	13.000	7.800
	Hạng 6	14.300	11.000	6.600
<b>2</b>	<b>Đất nuôi trồng thủy sản</b>			
	Hạng 1	27.400	16.600	6.100
	Hạng 2	23.000	13.900	5.100
	Hạng 3	18.800	11.400	4.200
	Hạng 4	16.500	10.000	3.700
	Hạng 5	14.900	9.000	3.300
	Hạng 6	12.500	7.600	2.800
<b>3</b>	<b>Đất trồng cây lâu năm</b>			
	Hạng 1	38.300	25.200	11.600
	Hạng 2	32.100	21.100	9.700
	Hạng 3	26.300	17.300	8.000
	Hạng 4	23.100	15.200	7.000
	Hạng 5	20.700	13.600	6.300
<b>4</b>	<b>Đất rừng sản xuất</b>			
	Hạng 1	13.400	7.800	5.500



	Hạng 2	11.200	6.500	4.600
	Hạng 3	9.300	5.400	3.800
	Hạng 4	8.100	4.700	3.300
	Hạng 5	7.200	4.200	3.000
<b>5</b>	<b>Đất rừng phòng hộ và rừng đặc dụng</b>			
	Hạng 1	12.060	7.020	4.950
	Hạng 2	10.080	5.850	4.140
	Hạng 3	8.370	4.860	3.420
	Hạng 4	7.290	4.230	2.970
	Hạng 5	6.480	3.780	2.700

6. Đất vườn đất ao xem kẽ trong khu vực đất ở nông thôn (Bìa đồ có ghi sử dụng lâu dài nhưng không được cấp có thẩm quyền cấp GCN đất ở) tăng 2 lần so với hạng đất trồng cây lâu năm hạng cao nhất cùng vùng, nhưng không được cao hơn giá đất ở liền kề khu vực đó.

7. Đất vườn, ao xen kẽ trong khu đô thị không được quy hoạch là đất ở hoặc đất phi nông nghiệp khác tăng 2 lần so với hạng đất trồng cây lâu năm hạng cao nhất cùng vùng, nhưng không được cao hơn giá đất ở liền kề trong đô thị.

Ghi chú: Thành phố Việt Trì giá đất nông nghiệp áp dụng xã đồng bằng, các khu vực khác theo quy định hiện hành.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY ĐỊNH****Về giá đất và bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ .***(Ban hành theo Quyết định số: 3656 /2006/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2006 của UBND tỉnh Phú Thọ).***Điều 1.**

Quy định về giá đất và bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ là văn bản cụ thể hoá Nghị định số 188/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ và Thông tư số 114/2004/TT- BTC của Bộ Tài chính về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất. Giá đất và bảng giá các loại đất này sử dụng làm căn cứ để:

- Tính thuế đối với việc sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

- Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Luật Đất đai năm 2003.

- Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật Đất đai năm 2003.

- Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hoá, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 59 của Luật Đất đai năm 2003.

- Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003.

- Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, thì mức giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất không được thấp hơn mức giá do UBND tỉnh quy định tại Quyết định này.

**Điều 2.**

Nguyên tắc và phương pháp xác định giá đất.

**1/ Nguyên tắc xác định giá đất.**

a/ Phân vùng đất.

Việc phân vùng đất căn cứ vào Điều 8, Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 và kế thừa bảng giá đất tại Quyết định số 676/2005/QĐ-UB ngày 16/3/2005 của UBND tỉnh Phú thọ. Đất được chia thành 3 vùng: đồng bằng, trung du và miền núi, trong đó:

- Vùng đồng bằng : 29 xã
- Vùng trung du : 31 xã
- Vùng miền núi : 215 xã

b/ Phân hạng đất:

- Hạng đất để định giá đất áp dụng theo hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp ở địa phương được Chính phủ phê duyệt.

- Phân hạng đất để định giá cho các loại đất: Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản, các loại đất nông nghiệp khác.

- Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993, Nghị định số 73/CP ngày 25/10/1993 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp, Thông tư liên bộ số 92/TT-LB ngày 10/11/1993 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp - Công nghiệp thực phẩm - Tổng cục quản lý ruộng đất hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/CP và kế thừa việc phân hạng đất theo Quyết định số Quyết định số 676/2005/QĐ-UB ngày 16/3/2005 của UBND tỉnh. Đất nông nghiệp các loại được phân hạng cho cả 3 vùng: đồng bằng, trung du và miền núi như sau:

- + Đất trồng cây hàng năm được phân từ hạng 1 đến hạng 6.
- + Đất nuôi trồng thủy sản được phân từ hạng 1 đến hạng 6.
- + Đất trồng cây lâu năm được phân từ hạng 1 đến hạng 5.
- + Đất rừng sản xuất được phân từ hạng 1 đến hạng 5.
- + Đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng được phân từ hạng 1 đến hạng 5.

c/ Phân loại khu vực để xác định giá đất (*đối với đất ở tại nông thôn*)

Khu vực 1 có khả năng sinh lợi cao nhất, có điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi nhất; khu vực 2 và khu vực 3 có khả năng sinh lợi và kết cấu hạ tầng kém thuận lợi hơn.

d/ Phân loại đô thị (*đối với đất ở tại đô thị*)

Đô thị bao gồm:

- Đô thị loại 2: Thành phố Việt Trì (Thủ tướng Chính phủ quyết định)
- Đô thị loại 4: Thị xã Phú Thọ (Bộ Xây dựng quyết định).
- Đô thị loại 5: Thị trấn các huyện còn lại ( UBND tỉnh quyết định).

e/ Phân loại vị trí (*đối với đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị*)

- Vị trí của từng loại đất trong từng khu vực (đối với đất ở tại nông thôn) được xác định căn cứ vào khả năng sinh lợi, khoảng cách tới mặt tiền của các trục đường giao thông và điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi cho sinh hoạt, kinh doanh và cung cấp dịch vụ theo nguyên tắc vị trí số 1 có mức sinh lợi cao nhất, có điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi nhất, gần trục đường giao thông chính nhất, các vị trí tiếp sau đó theo thứ tự từ thứ hai trở đi có mức sinh lợi và điều kiện kết cấu hạ tầng kém thuận lợi hơn.

- Vị trí đất trong từng loại đường phố của từng loại đô thị được xác định căn cứ vào khả năng sinh lợi, điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh dịch vụ, du lịch và khoảng cách so với trục đường giao thông. Vị trí đất trong từng loại đường phố của từng loại đô thị được phân thành các loại vị trí có số thứ tự từ 1 trở đi. Vị trí số 1 áp dụng đối với đất liền cạnh đường phố (mặt tiền) có mức sinh lợi cao nhất, có điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi nhất, các vị trí tiếp sau đó theo thứ tự từ thứ 2 trở đi áp dụng đối với đất không ở liền cạnh đường phố có mức sinh lợi và điều kiện kết cấu hạ tầng kém thuận lợi hơn.

g/ Khu vực đất giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giữa các huyện, thành, thị.

- Đối với đất nông nghiệp tại khu vực đất giáp ranh được xác định từ đường phân địa giới hành chính với các tỉnh vào sâu địa phận tỉnh Phú Thọ tối thiểu 500 mét.

- Đối với đất phi nông nghiệp ở nông thôn tại khu vực đất giáp ranh được xác định từ đường phân địa giới hành chính với các tỉnh vào sâu địa phận tỉnh Phú Thọ tối thiểu 300 mét.

- Đối với đất phi nông nghiệp ở đô thị thuộc cùng 1 loại đô thị thì khu vực đất giáp ranh được xác định từ đường phân địa giới hành chính với các tỉnh vào sâu địa phận tỉnh Phú Thọ tối thiểu 200 mét.

- Trường hợp khu vực đất giữa các tỉnh bị ngăn cách bởi sông, hồ, kênh có chiều rộng từ 100 mét trở xuống thì khu vực đất giáp ranh được xác định từ bờ sông, bờ hồ, bờ kênh của mỗi bên sông, bên hồ, bên kênh vào sâu địa giới của tỉnh Phú Thọ theo quy định (500m, 300m, 200m) tương ứng với các loại đất giáp ranh nêu trên. Nếu chiều rộng của sông, hồ, kênh trên 100 mét thì không xếp loại đất giáp ranh.

- Khu vực đất giáp ranh giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được xác định theo nguyên tắc: Khoảng cách đất giáp ranh được xác định từ đường phân địa giới hành chính vào sâu địa phận mỗi huyện, thành, thị tối thiểu 100m, có điều kiện tự nhiên, kết cấu hạ tầng như nhau, có cùng mục đích sử dụng hiện tại, cùng mục đích sử dụng theo qui định hiện hành thì mức giá đất tương đương nhau, nhưng mức giá tối đa không vượt khung giá đất do Chính phủ qui định.

- Trường hợp tại khu vực giáp ranh mà điều kiện kết cấu hạ tầng không như nhau thì giá đất tại khu vực đất giáp ranh được xác định căn cứ vào điều kiện thực tế của từng khu vực.

- Đối với đất ở tại nông thôn ở các vùng ven đô thị (các thôn tiếp giáp với thành phố, thị xã, thị trấn của các đô thị) thì giá đất tại các khu vực này được xác định theo nguyên tắc định giá cho các thửa đất liền kề và được vận dụng khung giá đất do Chính phủ qui định cho từng loại đô thị nằm liền kề.

## **2/Phương pháp định giá cụ thể cho từng loại đất.**

### **a/Đất nông nghiệp:**

- Đối với đất trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất rừng sản xuất. áp dụng phương pháp thu nhập trồng lúa để xác định giá. Khi định giá cho loại đất nào thì áp dụng khung giá do Chính phủ quy định đối với loại đất đó.

- Đối với đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng căn cứ vào giá đất rừng sản xuất do UBND tỉnh quyết định và căn cứ phương pháp định giá đất rừng sản xuất quy định tại Điều 13, Nghị định số 188/NĐ- CP để định giá cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Giá đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng được tính bằng 90% so với giá đất rừng sản xuất.

- Đối với các loại đất nông nghiệp khác theo quy định của Chính phủ, căn cứ vào giá các loại đất nông nghiệp liền kề do UBND tỉnh quyết định và căn cứ phương pháp định giá đất đối với loại đất nông nghiệp liền kề quy định tại Điều 13, Nghị định số 188/NĐ-CP.

- Đối với đất hạng 1 của từng vùng (đồng bằng, trung du, miền núi) và từng loại đất có các yếu tố vị trí, địa hình, điều kiện khí hậu, thời tiết và các điều kiện tưới tiêu

tốt nhất ứng với giá cao nhất; các hạng tiếp sau đó theo thứ tự từ hạng 2 trở đi có các yếu tố kém hơn ứng với các mức giá thấp hơn.

- Đối với đất vườn, ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở nông thôn (Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi sử dụng lâu dài) nhưng không được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đất ở thì giá đất được quy định bằng mức giá đất trồng cây lâu năm hạng cao nhất cho vùng đó và được tăng lên 2 lần nhưng không được cao hơn giá đất ở liền kề khu vực đó.

- Đối với đất vườn, ao nằm xen kẽ trong đô thị không được quy hoạch là đất ở hoặc đất phi nông nghiệp khác thì giá đất được quy định bằng mức giá đất trồng cây lâu năm hạng cao nhất vùng đó và được tăng lên 2 lần nhưng không được cao hơn giá đất ở liền kề trong đô thị.

b/ Đối với đất ở tại nông thôn và đất ở đô thị .

- Xây dựng bảng giá đất năm 2007 áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp thông qua việc tiến hành phân tích các mức giá thực tế đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên thị trường trong điều kiện bình thường tương tự về loại đất, diện tích thửa đất, loại đô thị, khu vực, đường phố và khả năng sinh lợi ở từng vị trí; Căn cứ quyết định số 3066/2005/QĐ-UBND ngày 08/11/2005 của UBND tỉnh ban hành qui định về phân loại đường phố, vị trí đất trong từng loại đường phố, làm căn cứ xây dựng giá đất đô thị; Kế thừa việc định giá đất theo vị trí tại Quyết định số 57/2006/QĐ-UB của UBND tỉnh và điều chỉnh mức giá tại những nơi có điều kiện kết cấu hạ tầng, vị trí thuận lợi trong kinh doanh để có mức giá tương ứng tại thời điểm hiện nay.

- Mức giá đất tại các vị trí trên các tuyến đường giáp ranh giữa các huyện, thành, thị trong tỉnh đều được xác định mức giá cụ thể trên cơ sở từng đoạn có điều kiện thuận lợi cho phù hợp với thực tế.

- Đất giáp ranh giữa các tỉnh được tham khảo, trao đổi với các tỉnh bạn.

- Đối với giá đất tại các thị trấn, thị tứ, được xem xét các điều kiện: vị trí đô thị trên các trục đường giao thông quan trọng, điều kiện thuận lợi về kết cấu hạ tầng, về hoạt động dịch vụ trên địa bàn để xác định.

c/ Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và tại đô thị, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp tại đô thị mức giá cụ thể quy định cho từng vị trí áp dụng theo giá đất ở liền kề hoặc giá đất ở tại khu vực lân cận nếu không có liền kề.

d/ Đối với đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng theo quy định của Chính Phủ... Căn cứ vào mức giá cụ thể đã quy định đối với giá các loại đất liền kề để định giá cho các loại đất trên. Nếu các loại

đất trên liền kề với nhiều loại khác nhau thì căn cứ vào giá loại đất có mức giá cao nhất.

**Điều 3.**

\* Giá đất được phân thành 7 loại chủ yếu:

## 1. Giá đất nông nghiệp:

- Giá đất trồng cây hàng năm
- Giá đất vườn, ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở nông thôn nhưng không được cấp có thẩm quyền cấp GCN đất ở.
- Giá đất vườn, ao nằm xen kẽ trong đô thị không được quy hoạch là đất ở hoặc đất phi nông nghiệp khác.
- Giá đất nuôi trồng thủy sản.
- Giá đất trồng cây lâu năm.
- Giá đất rừng sản xuất.
- Giá đất rừng phòng hộ và giá đất rừng đặc dụng.

## 2. Giá đất ở tại nông thôn.

3. Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn; đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp.

4. Giá đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng khác theo quyết định của Chính phủ.

## 5. Giá đất ở đô thị.

6. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị; đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp.

7. Đất sử dụng vào mục đích công cộng khác theo quyết định của Chính phủ.

(Bảng giá chi tiết các loại đất phân theo địa bàn các huyện, thành, thị như phụ biểu đính kèm).

**Điều 4.**

Phạm vi áp dụng giá đất như đã nêu ở Điều 1. Riêng một số trường hợp quy định cụ thể như sau:

1. Đất nằm trong hành lang bảo vệ công trình (đường bộ, đường sắt, đường thủy, hành lang đê, hành lang an toàn điện...) theo Thông tư hướng dẫn và quy định của các bộ, ngành trung ương. Việc bồi thường được xem xét cụ thể tùy từng trường hợp theo pháp luật quy định do UBND tỉnh quyết định khi nhà nước thu hồi đất.

2. Đất được nhà nước giao đang sử dụng khi nhà nước thu hồi để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và mục đích phát triển kinh tế trong trường hợp xây dựng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế và các dự án đầu tư lớn theo quy định tại Nghị định số 181/2004/NĐ- CP sẽ được bồi thường theo quy định hiện hành của Trung ương và địa phương.

### **Điều 5.**

Giá đất mới được ban hành không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

1. Giao đất cho nhân dân làm nhà ở đã có quyết định và nộp tiền trước ngày 01/01/2007.

2. Tính thuế chuyên quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ đã làm thủ tục trước ngày 01/01/2007.

3. Thu hồi đất đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng trước ngày 01/01/2007.

### **Điều 6.**

Khi giá đất thị trường biến động lớn, cao hơn hoặc thấp hơn mức giá qui định và những khu vực, vị trí còn thiếu trong bảng giá đất thì Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị báo cáo Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Sở Tài chính có trách nhiệm thường xuyên theo dõi sự biến động của giá đất thị trường và hướng dẫn kiểm tra các huyện, thành, thị, thực hiện đúng Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tài chính để tập hợp trình UBND tỉnh xem xét và điều chỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Doãn Khánh (đã ký)**



**BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN THANH THỦY**ĐVT: đồng/ m<sup>2</sup>

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở NÔNG THÔN</b>	
<b>A</b>	<b>Các xã vùng trung du (gồm 4 xã: Đồng Luận, Đoan Hạ, Bảo Yên, Xuân Lộc)</b>	
*	<i>Khu vực đường quy hoạch</i>	
1	Các trục đường từ 6m trở lên ( $\geq 6m$ )	65.000
2	Các trục đường từ 5m đến dưới 6m ( $\geq 5m \div < 6m$ )	50.000
3	Các trục đường từ 3m đến dưới 5m ( $\geq 3m \div < 5m$ )	35.000
*	<i>Khu vực khác</i>	
1	Đất vùng ven trung tâm và vùng ven tụ điểm kinh tế	30.000
2	Đất khu vực dân cư còn lại	25.000
<b>B</b>	<b>Các xã vùng miền núi</b>	
	<i>(Gồm : Tu Vũ, Yên Mao, Phượng Mao, Trung Nghĩa, Trung Thịnh, Hoàng Xá, Sơn Thủy, La Phù, Tân Phương, Thạch Đồng, Đào Xá)</i>	
*	<i>Khu vực đường quy hoạch</i>	
1	Các trục đường từ 6m trở lên ( $\geq 6m$ )	50.000
2	Các trục đường từ 5m đến dưới 6m ( $\geq 5m \div < 6m$ )	40.000
3	Các trục đường từ 3m đến dưới 5m ( $\geq 3m \div < 5m$ )	30.000
*	<i>Khu vực khác</i>	
1	Đất vùng ven trung tâm và vùng ven tụ điểm kinh tế	30.000
2	Đất khu vực dân cư còn lại	20.000
<b>C</b>	<b>Đất hai bên đường tỉnh lộ 316:</b>	
1	Đất hai bên đường từ tiếp giáp Hồng Đà đến cách đường rẽ đi Thượng Nông (huyện lộ) 50m	140.000
2	Đất hai bên đường từ cách đường rẽ đi Thượng Nông 50m và qua đường rẽ đi Thượng Nông 50m.	200.000

3	Đất hai bên đường từ cách đường rẽ đi Thượng Nông 50m phía trên đến điểm canh đê	140.000
4	Đất hai bên đường từ giáp điểm canh đê đến hết địa phận xã Xuân Lộc	140.000
5	Đất hai bên đường đoạn giáp xã Xuân Lộc đến cổng qua đê (đập đầm sen) nhà ông Hội Thạch Đồng	150.000
6	Đất hai bên đường đoạn từ cổng qua đê (đập đầm sen) nhà ông Hội đến đường bê tông xi măng (rẽ đi bến Lâm Sản cũ) khu 5 xã Thạch Đồng	200.000
7	Đất hai bên đường đoạn từ đường bê tông xi măng (rẽ đi bến Lâm Sản cũ) khu 5 đến cổng qua đê nhà ông Xuyên xã Thạch Đồng	350.000
8	Đất hai bên đường đoạn từ cổng qua đê nhà ông Xuyên Thạch Đồng đến đường rẽ đi bên Đồng Ón (nhà ông Điều) xã Thạch Đồng	250.000
9	Đất hai bên đường đoạn từ đường rẽ đi bến Đồng Ón (nhà ông Điều) đến hết địa phận xã Thạch Đồng (giáp xã Tân Phương)	150.000
10	Đất hai bên đường thuộc địa phận xã Tân Phương từ giáp xã Thạch Đồng đến ngã 3 quán ông Chúc (đường rẽ đi Đập Sụ Tân Phương)	150.000
11	Đất hai bên đường từ dốc đường TL316 (bà Thục khu 8 xã Tân Phương) rẽ đường TL 317 đến cột mốc giới hết địa phận xã Tân Phương (Gành Đê)	100.000
12	Đất hai bên đường từ quán ông Chúc đến nhà ông Tương Hằng (hết địa phận xã Tân Phương)	250.000
<b>D</b>	<b>Đất hai bên đường tỉnh lộ 316B:</b>	
1	Đất hai bên đường từ cầu Bờ Đìa đến ngã 3 đường rẽ đi Thạch Đồng.	100.000
2	Đất hai bên đường từ ngã 3 đường rẽ đi Thạch Đồng đến hết địa phận xã Đào Xá (Giáp Tân Phương)	80.000
3	Đất hai bên đường giáp xã Đào Xá đến đường rẽ vào thôn Hữu Khánh xã Tân Phương	120.000
4	Đất hai bên đường từ ngã 3 thôn Hữu Khánh đến cầu Dát xã Tân Phương	150.000
5	Đất hai bên đường từ cầu Dát đến chân dốc ngã 3 gặp đường tỉnh lộ 316	200.000
<b>E</b>	<b>Tỉnh lộ 317</b>	

1	Đất hai bên đường từ giáp xã Tân Phương (nhà ông Trương Hằng) đến cổng nhà ông Kiên khu 5 xã La Phù	500.000
2	Đất hai bên đường từ nghĩa trang liệt sỹ La Phù đến nhà ông Vận Ngọc (hết địa phận xã La Phù)	500.000
3	Đất hai bên đường từ giáp xã La Phù đến hộ ông Năng xã Bảo Yên	500.000
4	Đất hai bên đường từ giáp hộ ông Năng xã Bảo Yên đến giáp xã Đoan Hạ (hết địa phận xã Bảo Yên)	200.000
5	Đất hai bên đường thuộc địa phận xã Đoan Hạ từ giáp xã Bảo Yên đến giáp xã Đồng Luận	120.000
6	Đất hai bên đường từ giáp xã Đoan Hạ đến cổng nhà ông Thảo khu 7 xã Đồng Luận	100.000
7	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Thảo khu 7 xã Đồng Luận đến ngã 3 (đường rẽ tránh lũ liên xã Đồng Luận- Trung Nghĩa)	120.000
8	Đất hai bên đường từ ngã 3 (đường rẽ tránh lũ liên xã) đến cổng nhà ông Phan	120.000
9	Đất hai bên đường từ hết cổng nhà ông Phan đến hết địa phận xã Đồng Luận (giáp xã Trung Nghĩa)	80.000
10	Đất hai bên đường từ giáp xã Đồng Luận đến hết ao cá Bác Hồ (đường rẽ vào UBND xã Trung Nghĩa)	100.000
11	Đất hai bên đường từ giáp ao cá Bác Hồ (đường rẽ vào UBND xã Trung Nghĩa) đến hết địa phận xã Trung Nghĩa (giáp xã Phượng Mao)	70.000
12	Đất hai bên đường tỉnh lộ 317 thuộc xã Phượng Mao	60.000
13	Đất hai bên đường từ giáp xã Phượng Mao đến Trạm xá xã Yên Mao	70.000
14	Đất hai bên đường từ giáp Trạm xá xã Yên Mao đến trường THCS Yên Mao	100.000
15	Đất hai bên đường từ trường THCS Yên Mao đến hết địa phận xã Yên Mao (giáp xã Tu Vũ)	70.000
16	Đất hai bên đường từ giáp địa phận xã Yên Mao đến giáp tượng đài chiến thắng Tu Vũ	80.000
17	Đất hai bên đường từ tượng đài chiến thắng Tu Vũ đến cầu Lương Nha (hết địa phận xã Tu Vũ)	100.000
18	Đất hai bên đường từ ngã 3 (nhà anh Hồng Thoa khu 4) theo đường	50.000

	bờ ngang đến giáp xã Yên Lãng	
<b>F</b>	<b>Đất hai bên đường huyện lộ nối từ QL 32A xã Thượng Nông đến Xuân Lộc</b>	
1	Đất hai bên đường từ giáp ranh xã Thượng Nông đến ngã 3 đập Xuân Dương	100.000
2	Đất hai bên đường từ đập Xuân dương đến quán Xuân Dương	150.000
3	Đất hai bên đường từ quán Xuân Dương đến giáp nhà ông Lạc xã Xuân Lộc	250.000
4	Đất hai bên đường từ nhà ông Lạc đến ngã 3 tiếp giáp đường tỉnh lộ 316 xã Xuân Lộc	300.000
<b>G</b>	<b>Đất hai bên đường tỉnh lộ 317 B từ Yên Mao đi Đá cóc</b>	
1	Đất hai bên đường từ ngã ba trung tâm đến nhà ông Quyết khu 6 (đường vào xóm 5)	100.000
2	Đất hai bên đường từ nhà ông Quyết khu 6 đến nhà bà Kê khu 11 (đường vào đền Sòi)	80.000
3	Đất hai bên đường từ nhà bà Kê khu 11 đến hết địa phận xã Yên Mao	60.000
4	Đất hai bên đường từ giáp xã Yên Mao đi Đá Cóc đến hết địa phận xã Phụng Mao (Đường tránh lũ)	50.000
<b>H</b>	<b>Đất hai bên đường huyện lộ từ Bảo Yên đi Đoan Hạ - Hoàng Xá</b>	
1	Đất hai bên đường từ đường TL 317 (Điểm đầu cống tiêu nước xã Đoan Hạ) rẽ đi Hoàng Xá qua địa phận xã Bảo Yên, qua địa phận xã Đoan Hạ đến đầu cầu Hoàng Xá.	150.000
2	Đất hai bên đường từ cầu Hoàng Xá đến hết nhà ông Mưu xã Hoàng Xá	500.000
3	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Mưu đến hết nhà thờ Hoàng Xá	600.000
4	Đất hai bên đường từ giáp nhà thờ Hoàng Xá đến hết đất bà BỔ	700.000
5	Đất hai bên đường từ giáp đất bà BỔ (ngã 3 chợ cũ) đến hết trạm thuế xã Hoàng Xá	900.000
6	Đất hai bên đường từ giáp trạm thuế xã Hoàng Xá đến ngã 3 nhà ông Tỉnh khu 22	600.000

7	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Tình khu 22 đến hết đất nhà ông Doanh xã Hoàng Xá	500.000
8	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Doanh đến hết đất nhà ông Huyền xã Hoàng Xá	400.000
9	Đất hai bên đường từ giáp ngã 3 ông Huyền đến hết nhà ông Chính xã Hoàng Xá	250.000
10	Đất hai bên đường từ giáp đất nhà ông Chinh đến Suối Đục hết đất xã Hoàng Xá.	200.000
<b>I</b>	<b>Đất hai bên đường liên xã LX: 1A xã Hoàng Xá đi Trung Thịnh</b>	
1	Đất hai bên đường từ giáp đất nhà bà Bỏ đến hết đất nhà anh Tuấn + bà Sâm	700.000
<b>J</b>	<b>Đất hai bên đường liên xã từ Hoàng Xá đi Trung Thịnh LX: 1B</b>	
1	Đất hai bên đường từ ngã ba đường rẽ đi UBND xã Hoàng Xá cách ngã ba 20 m đến hết chợ Hoàng Xá	900.000
2	Đất hai bên đường từ giáp chợ Hoàng Xá đến ngã tư nhà ông Liên	600.000
3	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Liên đến hết nhà ông Thư xã Hoàng Xá	500.000
4	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Thư đến hết địa phận xã Hoàng Xá	400.000
5	Đất hai bên đường giáp ranh từ Hoàng Xá đến ngã ba Hàm đến cầu Trời xã Trung Thịnh	300.000
6	Đất hai bên đường từ ngã ba Hàm đi Thắng Sơn huyện Thanh Sơn	200.000
7	Đất băng 2 cách trục đường chính 35 m từ giáp ranh xã Hoàng Xá đến ngã ba Hàm xã Trung Thịnh	20.000
8	Đất hai bên đường từ ngã tư công ông Hồ đến công ông Kế phía ao	20.000
<b>K</b>	<b>Đất hai bên đường liên xã LX: 2 từ Bảo Yên đi Sơn Thủy</b>	
1	Đất hai bên đường từ ngã ba tỉnh lộ 317 (nhà ông Sâm) đến giáp địa phận xã Sơn Thủy	350.000
2	Đất hai bên đường từ ngã tư xóm Gò đến hết nhà ông Phụ xã Sơn Thủy	100.000
3	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Phụ đến hết chợ Bến thôn Thủy Trạm (chợ Đón)	120.000

4	Đất hai bên đường từ chợ Đón Thủy Trạm đến hết đất Sơn Thủy	100.000
5	Đất hai bên đường từ ngã tư xóm Gò đến cầu Máng đến chân đập Suối Ròng (Khu du lịch)	50.000
6	Đất hai bên đường từ cầu Máng khu 7 đến hết mỏ Ngọt xã Sơn Thủy	30.000
7	Đất hai bên đường từ ngã tư chợ Bến Phù Lao đến đập suối Hàng	50.000
8	Đất hai bên đường từ ngã tư Thủy Trạm đi Tất Thắng huyện Thanh Sơn đến hết địa phận Sơn Thủy	50.000
<b>L</b>	<b>Đất hai bên đường liên xã LX: 3 từ Đồng Luận đi Trung Nghĩa đi Phụng Mao (đường tránh lũ)</b>	
1	Đất hai bên đường rẽ từ đường 317 đi hết địa phận xã Đồng Luận (giáp xã Trung Nghĩa)	70.000
2	Đất hai bên đường từ giáp xã Đồng Luận đến cổng nhà ông Hợi khu 3 xã Trung Nghĩa	80.000
3	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Hợi khu 3 đến UBND xã Trung Nghĩa	100.000
4	Đất hai bên đường từ ngã 3 cổng chợ xã Trung Nghĩa (giáp tỉnh lộ 317) đến Trạm xá xã Trung Nghĩa	150.000
5	Đất hai bên đường từ Trạm xá xã Trung Nghĩa đến hết khu Đền Lãng Sương	100.000
6	Đất hai bên đường từ giáp Đền Lãng Sương đến hết Đồng Cò (giáp xã Phụng Mao)	70.000
7	Đất hai bên đường từ giáp xã Trung Nghĩa đến điểm nối vào đường 317B thuộc xã Phụng Mao	50.000
<b>M</b>	<b>Đất hai bên đường liên xã LX: 4 từ ngã ba gặp tỉnh lộ 317 đi Dị Nậu</b>	
1	Đất hai bên đường liên xã từ ngã ba gặp tỉnh lộ 317 Đào Xá đến giáp xã xã Dị Nậu	70.000
<b>N</b>	<b>Đất hai bên đường liên xã đối với các khu vực khác</b>	
1	Đất hai bên đường rẽ từ đường 317 đến trạm y tế xã Phụng Mao	50.000
2	Đất hai bên đường từ giáp trạm y tế xã Phụng Mao đến gặp đường tránh lũ.	70.000

3	Đất hai bên đường từ Trung tâm xã Phụng Mao đi Láng Xèo	30.000
4	Đất hai bên đường từ UBND xã Đồng Luận đến cầu Trung Thịnh	150.000
5	Đất xung quanh Gò Nồi xã Hoàng Xá	100.000
6	Đất hai bên đường từ ngã 3 đường 316 đến hết nhà ông Chuyển khu 3 xã Thạch Đồng	150.000
7	Đất hai bên đường từ ngã 3 nhà ông Chuyển rẽ đi khu 2 đi Đào Xá - địa phận xã Thạch Đồng	100.000
8	Đất hai bên đường từ ngã 3 nhà ông Chuyển rẽ đi khu 7 đi Đào Xá - địa phận xã Thạch Đồng	100.000
9	Đất hai bên đường từ trụ sở khu 8 xã Xuân Lộc đi Đào Xá đến hết địa phận xã Xuân Lộc (đường tránh lũ)	80.000
10	Đất hai bên đường từ điểm canh đê đến đình Xuân Dương xã Xuân Lộc	100.000
11	Đất hai bên đường từ ngã 3 Quán Đàng đi giáp xã Thạch Đồng (đường tránh lũ)	60.000
12	Đất hai bên đường từ đình Đào Xá đến cổng nhà ông Khoan khu 5 xã Đào Xá	70.000
13	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Khoan khu 5 xã Đào Xá đến giáp xã Thạch Đồng (đường tránh lũ)	60.000
14	Đất hai bên đường từ nhà văn hoá khu 15 xã Đào Xá đến giáp xã Xuân Lộc (đường tránh lũ)	50.000
15	Đất hai bên đường từ Cầu Sào đến cổng nhà ông Lại khu 18 xã Đào Xá (đường tránh lũ)	70.000
16	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Lại khu 18 đến cổng nhà ông Hồng Vượng khu 17 xã Đào Xá (đường tránh lũ)	50.000
17	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Hồng Vượng khu 17 đến cổng nhà ông Thức Thủy khu 17 xã Đào Xá (đường tránh lũ)	60.000
18	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Thức Thủy khu 17 xã Đào Xá đến giáp đất Thanh Sơn (đường tránh lũ)	40.000
<b>O</b>	<b>Đất khu vực đường quy hoạch vùng nước nóng và quy hoạch trung tâm huyện lỵ</b>	
1	Đất hai bên đường các trục đường quy hoạch 6 m trở lên ( $\geq 6m$ )	250.000

2	Đất hai bên đường các trục đường quy hoạch 5 m đến dưới 6m ( $\geq 5m$ $\div < 6m$ )	200.000
3	Đất hai bên đường các trục đường quy hoạch 3 m đến dưới 5m ( $\geq 3m$ $\div < 5m$ )	150.000
<b>P</b>	<b>Khu trung tâm huyện lỵ</b>	
1	Đất hai bên đường từ nhà Ông Kiên qua bến xe khách đến cổng Bru điện huyện Thanh Thủy	900.000
2	Đất hai bên đường từ tỉnh lộ 316 (nhà ông Minh Xuân) đến ngã 3 hết đất thổ cư nhà ông Tuyết khu 5 (đọc đường xanh)	400.000
3	Đất hai bên đường từ ngã 3 cổng Bru điện huyện qua cổng Huyện uỷ đến ngã 3 (giáp nhà ông Tuyết khu 5)	400.000
4	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Tuyết khu 5 đến hết nhà ông Mão Thủy khu 5 (điểm đầu vào đường chiến lược)	150.000
5	Đất hai bên đường từ tỉnh lộ 316 (nhà ông Thanh Thường) đến nhà ông Phúc khu 6	400.000
6	Đất hai bên đường từ tỉnh lộ 316 (nhà ông Toàn Hồng) đến đường xanh	400.000
7	Đất hai bên đường từ sau nhà ông Thành Hà đến nhà ông Sinh Thông gặp đường tỉnh lộ 316 đi Thanh Sơn (đường chiến lược)	200.000
8	Đất hai bên đường từ ngã tư (ao anh Toán) đến giáp ao Mỹ (phía đối diện cổng nhà ông Long)	200.000
9	Các lô còn lại theo hai bên các nhánh đường mới mở thuộc khu Ao San	100.000
10	Đất hai bên đường nhánh khu dân cư 6 còn lại	200.000
11	Đất hai bên đường từ ngã tư xóm Táo (nhà Ô Minh Xuân) đến trạm bơm tiêu	600.000
12	Đất hai bên đường từ trạm bơm tiêu đến chân đồi Ô rô (khu 1- 2)	300.000
13	Đất băng 2 ven sân vận động trung tâm huyện	200.000
14	Đất hai bên đường nối từ đường 316 qua hết đất BCH quân sự huyện đến nhà ông Hành Thanh	400.000
15	Đất 2 bên đường từ tỉnh lộ 317 rẽ đi khu du lịch nước khoáng nóng đến hết nhà ông Nê khu 1	400.000



16	Đất đồi hai bên đường nhánh khu dân cư còn lại	30.000
17	Đất bãi hai bên đường nhánh còn lại	50.000
18	Đất hai bên đường ven sông Đà (đường 317) từ giáp xã Tân Phương đến đường bê tông xi măng rẽ đi chùa Phương Lâm xã La Phù	500.000
19	Đất hai bên đường bê tông xi măng rẽ đi Chùa Phương Lâm đến cổng Ngân hàng NN và PTNT huyện	750.000
20	Đất hai bên đường từ cổng Ngân hàng NN và PTNT huyện đến hết đất cơ quan Đài truyền thanh huyện nối vào đường 316	850.000
21	Đất hai bên đường ven phố từ cổng Bưu điện huyện đến cổng nghĩa trang liệt sỹ xã La Phù	900.000
22	Đất hai bên đường từ ngã ba (trạm thuế) đến hết đất nhà ông Minh Xuân	900.000
23	Đất hai bên đường từ giáp đất nhà ông Minh Xuân đến hết địa phận xã La Phù (giáp Thạch Khoán)	800.000
<b>II</b>	<b>Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đất đó.</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng</b>	
1	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
2	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất	

### PHỤ LỤC CÁC XÃ: GỒM 15 XÃ

1. Xã Trung du: gồm 4 xã: Đồng Luận, Đoan Hạ, Bảo Yên, Xuân Lộc .

2. Xã Miền núi: gồm 11 xã:

Tu vũ, Yên mao, Phương Mao, Trung nghĩa, Trung Thịnh, Hoàng Xá, Sơn Thủy, La Phù, Tân Phương, Thạch đồng, Đào Xá .

**BẢNG GIÁ ĐẤT THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ**DVT: đồng/m<sup>2</sup>

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở NÔNG THÔN</b>	
	<b>Xã Sông Lô</b>	
1	. Đất có mặt tiền giáp QL2 (đê Sông Lô) đi cầu Việt Trì	1.000.000
2	. Đất thuộc trung tâm xã + cầu Việt Trì cũ ra QL2	105.000
3	. Đất hai bên đường liên thôn	120.000
4	. Đất còn lại	90.000
	<b>Xã Trưng Vương</b>	
1	. Đường A-B từ đường C đi trung tâm Khuyến nông	500.000
2	. Đường A1-B1 đi đường C đến nhà ông Khắc	700.000
3	. Đường A2-B2 từ đường C đi khu tập thể Thủy lợi cũ	450.000
4	. Đường Z-H-E đi từ trụ sở Liên đoàn lao động tỉnh tới cổng Sở Lương thực cũ	450.000
5	. Đường E-M-N từ cổng Sở lương thực cũ đến Trường Chính trị Thành phố	250.000
6	. Đường B2-C từ cổng ông Khắc đến cổng nhà ông Trò	450.000
7	. Khu dân cư đồi thú y cũ	170.000
8	. Khu dân cư đồi Bình Hải	150.000
9	. Đất thuộc Trung tâm xã, chợ	150.000
10	. Đất 2 bên đường liên thôn	120.000
11	. Đất còn lại	90.000
	<b>Xã Minh nông</b>	
1	<b>Khu Xóm Minh Tân</b>	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương đến hội trường Minh Tân	720.000
	. Đoạn từ hội trường Minh Tân đến đường Sông Thao	290.000

	. Đoạn từ đường Hùng Vương ven theo đồng đến ngã 3 lối rẽ lên hội trường Xóm	720.000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương ven theo đồng đến nhà ông Thử	600.000
	. Các đường còn lại trong xóm	190.000
<b>2</b>	<b><i>Khu Xóm Thông Đậu</i></b>	
	. Đoạn từ kho vật t đến dốc Thông Đậu (đến hết nhà ông Ngang, ông Hoàn)	720.000
	. Đoạn từ dốc Thông Đậu đến đường Sông Thao	215.000
	. Đoạn từ ngã 4 (ông Vân + ông Phong) theo ven đồng rẽ ra lò gạch ông Dụ	155.000
	. Các đường còn lại trong xóm Thông Đậu	115.000
<b>3</b>	<b><i>Khu xóm Minh Bột</i></b>	
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến nhà bà Thịnh	288.000
	. Đoạn từ đường QL2 đến nhà bà Khuyên	360.000
	. Đoạn từ ngõ nhà bà Khuyên đến đường rẽ lên hội trường xóm Minh Bột	288.000
	. Đoạn đường mặt trong đê trục đường 324	288.000
	. Các đường còn lại trong xóm Minh Bột	130.000
<b>4</b>	<b><i>Khu xóm Hòa Phong</i></b>	
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến cổng trường tiểu học	288.000
	. Đoạn từ đường Sông Thao 9 lối rẽ công nhà ông Hiền + ông Sáu) đến cổng trường tiểu học	288.000
	. Các đường còn lại trong xóm Hòa Phong	115.000
<b>5</b>	<b><i>Khu xóm Hồng Hải</i></b>	
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến hết cổng nhà ông Yên	288.000
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến hết nhà bà Bằng, ra đê	288.000
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến hết đất nhà ông Khoa, ông Đồng	288.000

	. Đất khu dân cư thuộc xóm Hồng Hải ( Trong đê)	110.000
	. Đất khu dân cư thuộc xóm Hồng Hải ( Ngoài đê)	90.000
	<b>Xã Minh phương</b>	
	. Đoạn đường từ ngã 3 trung tu ô tô đến cổng nhà ông Lâm	240.000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương đến đình Vân Cơ	500.000
	. Đoạn từ đường Sông Thao qua cổng trường THCS Minh phương đến ngã 3	600.000
	. Các đường giao thông chính các khu Cao Đại, Lu Minh, Tân Phương, Trung Phương, Vân Cơ và Liên Phương	120.000
	. Đoạn đường từ đường Sông Thao đến cổng CT TNHH Toàn Năng	480.000
	. Đất còn lại phía trong đường chính của các khu	90.000
	<b>Xã Thụy vân</b>	
	. Đất thuộc trung tâm xã, khu vực gần chợ	105.000
	. Đất hai bên đường liên thôn	120.000
	. Đất còn lại	90.000
	<b>Xã Vân phú</b>	
1	<b>Khu 1</b>	
	. Đất băng 2, đường QL2	1.000.000
	. Đất băng 1, đường QL 32C đến đường rẽ trạm xá Quân khu	1.500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	400.000
2	<b>Khu 2</b>	
	. Đất băng 1, đường QL 32C từ đường rẽ trạm xá Quân khu đến giáp xã Hy Cương	1.500.000
	. Hai bên đường, đoạn từ 32C đến giáp đường nội thị Vân Phú - Thụy Vân	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150.000
3	<b>Khu 3</b>	

	Đoạn đường liên thôn từ QL2 đến giáp tuyến đường nội thị Vân Phú - Thụy Vân	1.500.000
	. Đất còn lại ở các đường nhánh	1.000.000
	. Đất các ngõ hẻm còn lại	400.000
4	<b>Khu 4</b>	
	. Các ngõ nhánh (trừ băng 1 của đường QL2)	800.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	400.000
5	<b>Khu 5</b>	
	. Hai bên đường đoạn từ trại giam đến Dữu Lâu, Phượng Lâu	600.000
	. Đất các đoạn đường ngõ, nhánh	400.000
	. Đất còn lại	200.000
6	<b>Khu 6</b>	
	. Đoạn từ giáp phường Vân Cơ qua UBND xã Vân Phú đến ngã 4 công nhà ông Nguyễn	800.000
	. Đoạn đường từ ngã 4 đi khu 8 giáp Phượng Lâu	500.000
	. Đoạn đường từ cây đa đến bờ Luông và đoạn đường từ trạm bơm đến công Đình	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	100.000
7	<b>Khu 7</b>	
	. Đoạn đường từ UBND xã Vân Phú đi trại giam Phú Đức	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	100.000
8	<b>Khu 8</b>	
	. Đoạn từ ngã tư đi Phượng Lâu	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	100.000
	<b>Xã Phượng Lâu</b>	
	. Đất 2 bên bờ đê sông Lô đi Xí nghiệp chế biến rác thải, đất thuộc trung tâm xã	150.000

	. Đất hai bên đường liên thôn	120.000
	. Đất còn lại	90.000
<b>II</b>	<b>Đất Sản xuất , Kinh doanh phi nông nghiệp tại Nông thôn và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó.</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng , an ninh ; đất sử dụng vào các mục đích công cộng:</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó;	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất;	
<b>IV</b>	<b>ĐẤT Ở ĐÔ THỊ</b>	
<b>A</b>	<b>Các tuyến đường chính</b>	
<b>1</b>	<b><i>Đường Hùng Vương</i></b>	
	. Đoạn từ A3 đến nút A11	5.000.000
	. Đoạn từ A2 đến nút A3	4.500.000
	. Đoạn từ A11 đến cầu Nang	4.500.000
	. Đoạn từ Cầu Nang đến ngã ba Đền Hùng	4.000.000
	. Đoạn từ nút A2 đến đầu cầu Việt Trì	2.000.000
<b>2</b>	<b><i>Đoạn đường Bưu điện Tỉnh qua chợ Trung tâm Việt Trì đến đường Trần Phú</i></b>	6.000.000
<b>3</b>	<b><i>Đường Nguyễn Tất Thành</i></b>	
	. Từ nút A2 đến nút C10	4.000.000
<b>4</b>	<b><i>Đường Hoà Phong</i></b>	
	. Đoạn A9 C9	5.000.000
<b>5</b>	<b><i>Đường Châu Phong</i></b>	
	. Đoạn A8 C8	4.000.000
	. Đoạn từ C8 đến hồ Đài Phát thanh truyền hình Tỉnh	2.500.000
<b>6</b>	<b><i>Đường Trần Phú</i></b>	

	. Đoạn từ A7 đến C7	5.000.000
	. Đoạn từ C7 đến D7	3.500.000
	. Đoạn từ D7 đến đê Sông Lô	3.000.000
7	<b>Đường Âu Cơ (Toàn tuyến)</b>	3.500.000
8	<b>Đường Hai Bà Trưng</b>	
	. Từ đường Sông Thao đến đường Nguyễn Tất Thành	3.500.000
9	<b>Đường Trần Nguyên Hãn</b>	
	. Từ cổng Nhà máy Giấy đến đường Nguyễn Tất Thành	3.000.000
10	<b>Đường Hà Huy Tập</b>	
	. Từ đường Hùng Vương qua sau Ngân hàng, Kho bạc đến đường sắt	3.000.000
11	<b>Đường Thanh Xuân</b>	
	. Đoạn từ đường Trần Phú đến số nhà 106 tổ 4D khu 19	3.000.000
	. Đoạn từ giáp số nhà 106 tổ 4D khu 19 đến tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	2.000.000
12	<b>Đường Lê Quý Đôn</b>	
	. Từ đường Hùng Vương đến tiếp đường Nhi Đồng	3.000.000
13	<b>Đường Kim Đồng</b>	
	. Từ đường Hùng Vương đến đường Nhi đồng	2.500.000
14	<b>Đường Đoàn Kết</b>	
	. Từ Công an Tiên Cát đến đường Sông Thao	3.000.000
15	<b>Đường Công Nhân</b>	
	. Từ A10 qua cổng nhà máy Dệt đến đường Sông Thao	3.000.000
16	<b>Đường vào khu Công nghiệp Thụy Vân</b>	
	. Từ đường Hùng Vương đến cổng khu Công nghiệp	3.000.000
17	<b>Đường Tân Bình</b>	
	. Từ tiếp giáp đường Trần Phú đến đường Châu Phong	3.500.000

18	<b><i>Đường Nguyễn Du</i></b>	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương đến hết đường nhựa nhà ông Biển	3.000.000
	. Từ cây xăng Dữu lâu đến cổng nghĩa trang Dữu lâu	1.000.000
	. Từ cổng nghĩa trang Dữu lâu đến đình Hương Trầm	700.000
	. Từ đình Hương Trầm phường Dữu Lâu đến giáp P. Nông Trang	500.000
	. Từ nhà ông Biển đến giáp phường Dữu lâu	500.000
19	<b><i>Đường 20 . 7</i></b>	
	Đoạn từ giáp đường Nguyễn Du đến cổng trường Đình Tiên Hoàng	2.500.000
	Đoạn từ cổng trường Đình Tiên Hoàng đến ngã tư (ông To)	2.000.000
	Từ lương thực Vân cơ đến hết tường rào Trường đào tạo công nhân Kỹ Thuật Xây Dựng	1.000.000
20	<b><i>Đường Sông Thao</i></b>	
	Từ A2 A3 đến nút A11 (Toàn tuyến)	2.000.000
21	<b><i>Trục đường Bạch Hạc</i></b>	
	Từ Cầu Việt Trì đến đê Bầu Sao	1.000.000
22	<b><i>Đường Du Lịch Bạch hạc – Bến gót</i></b>	1.000.000
23	<b><i>Đường Nam công viên Văn Lang toàn tuyến</i></b>	1.500.000
<b>B</b>	<b>Các tuyến đường xã, phường</b>	
	<b>PHƯỜNG BẠCH HẠC</b>	
1	<b><i>Phố Châu Phong</i></b>	
	Đoạn từ đầu cầu cũ đi toa đen	200.000
	Ngõ từ giáp hành lang cầu đến nhà ông khai	250.000
	. Trục đường Chùa Bi	200.000
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc vào hết khu tập thể Cty cổ phần cơ khí Giao thông Phú thọ	200.000
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc vào hết khu tập thể Cty cổ phần Vận tải đường sông Phú Thọ	200.000



	. Các ngõ hẻm còn lại	120.000
2	<b><i>Phố Bạch Hạc</i></b>	
	. Ven đường kè Du lịch Bạch Hạc	250.000
	. Trục đường Trần Nhật Duật	245.000
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc (Ông Hảo) đến nhà Bà Thu	200.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	120.000
3	<b><i>Phố Đoàn Kết</i></b>	
	. Ven bờ kè Bạch Hạc	250.000
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc vào khu tập thể xí nghiệp mộc Bạch Hạc	250.000
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc vào khu Lò vôi cũ	250.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	120.000
4	<b><i>Khu Vực Mộ Thượng</i></b>	
	. Trục đường Trần Nhật Duật	150.000
	. Ngõ từ đường Du lịch qua xóm mới Mộ Thượng đến đường Nhị Hà	150.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	120.000
5	<b><i>Khu vực Lăng Đài</i></b>	
	. Trục đường Nhị Hà	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	120.000
6	<b><i>Khu vực mộ Hạ</i></b>	
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc đến nhà Ông Thắng	200.000
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc đến nhà Ông San	200.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150.000
7	<b><i>Khu tái định cư</i></b>	
	. Băng mặt đường (băng 1)	500.000
	. Các băng còn lại	300.000

<b>PHƯỜNG THANH MIẾU</b>		
1	<b><i>Đường Đồi Cam</i></b>	
	. Từ cây xăng Thanh miếu đến tiếp giáp đường Hùng Vương (thuộc khu 7+8+11+12)	1.000.000
2	<b><i>Đường Thanh Bình</i></b>	
	. Từ tiếp giáp Trần Nguyên Hãn đến tiếp giáp đường Đồi Cam	500.000
3	<b><i>Đường lý Tự Trọng</i></b>	
	. Từ nhà ông Triệu đến trường mầm non Cty Giấy (khu 1+2+3+4)	1.600.000
	. Từ trường mầm non Cty Giấy đến cổng trường THPT Công nghiệp (thuộc khu 3)	840.000
4	<b><i>Đường Thanh Hà</i></b>	
	. Từ tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành đến tiếp giáp đường Trần Nguyên Hãn (thuộc khu 5+6)	210.000
5	<b><i>Các con đường khác trong khu dân cư</i></b>	
	. Từ tiếp giáp Trần Nguyên Hãn qua UBND phường Thanh Miếu đến đường Nguyễn Tất Thành (thuộc khu 6+9)	840.000
	. Từ tiếp giáp đường Hùng Vương qua trạm xá phường Thanh Miếu đến đường Nguyễn Tất Thành (thuộc khu 7+11+12)	210.000
	. Từ đường Hùng Vương qua nhà ông San, ông Quý đến tiếp giáp đường Lý Tự Trọng (thuộc khu 1+2)	560.000
	. Các đường vòng quanh phố thuộc băng 1 của các khu dân cư	210.000
	. Các ngõ hẻm còn lại 14 khu	150.000
<b>PHƯỜNG BẾN GÓT</b>		
1	<b><i>Khu phố Việt Hưng</i></b>	
	. Đoạn đường A3H3 đến lối rẽ ra đường Hùng Vương (Đường đi cổng sau chợ Gát)	1.600.000
	. Đoạn từ lối rẽ đường Hùng Vương đến chợ Gát	1.500.000
	. Đoạn đường đi chợ Gát rẽ ra đường sắt (tổ 2 phố Việt Hưng)	840.000
	. Đường bao quanh tổ 5 Việt Hưng	210.000

	. Các ngõ hẻm còn lại	150.000
2	<b><i>Khu phố Hoà Bình 1 + 2</i></b>	-
	. Đoạn từ A2A3 quốc lộ 2 cũ (Cổng chùa Hoà Bình)	840.000
	. Đoạn tiếp giáp QL2 cũ đi xí nghiệp đường sắt (Cổng đình làng Việt Trì)	420.000
	. Đoạn từ cổng Cty đường sắt đến cổng đỏ (Tổ 18 Kiến Thiết)	510.000
	. Đoạn từ nút A2 đi xã Sông Lô	210.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150.000
3	<b><i>Khu phố Kiến Thiết</i></b>	
	. Đoạn tiếp giáp A2A3 đến cổng Cty Than	525.000
	. Ngõ bao quanh phố	210.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150.000
4	<b><i>Khu phố Hồng Hà 1 + 2</i></b>	
	. Từ Công an phường Bến Gót đến trại Thanh Hà	525.000
	. Băng 2 khu ga Việt Trì	525.000
	. Băng 2 khu cảng Việt Trì	525.000
	. Cửa ga Việt Trì đi Bến Gót đường 19,5m	840.000
	. Bưu điện ga Việt Trì đi Bến Gót	525.000
	. Xí nghiệp Vật tư đường sắt đi bờ đê Sông Hồng	840.000
	. Đoạn đường ký túc xá PăngRim	840.000
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến trạm thực phẩm cũ (tổ 22)	840.000
	. Ngõ bao quanh phố	210.000
	. Ngõ hẻm còn lại	150.000
<b>PHƯỜNG THỌ SƠN</b>		
1	<b><i>Đại lộ Hùng Vương</i></b>	
	. Đường ngõ công trên chợ Gát (khu vực tổ 4B đến . Sông Thao)	2.000.000

	. Ngõ từ đường Hùng Vương vào Trung tâm hội nghị tỉnh	2.000.000
	. Ngõ từ đường Hùng Vương vào Cty TNHH Chí Hòa	2.000.000
	. Ngõ từ đường Hùng Vương vào Doanh nghiệp Kim Sơn	2.000.000
	. Ngách từ đường Hùng Vương vào đến hộ ông Thành tổ 7	850.000
2	<b>Đường Hai Bà Trưng</b>	
	. Ngõ từ hộ ông Văn tổ 26B đến hộ bà Ty tổ 26B	1.000.000
	. Đoạn nối từ đường Hai Bà Trng đến đường Nguyễn Tất Thành (khu vực tổ 27B) trừ những hộ quay ra đường Hai Bà Trưng	2.000.000
	. Đường từ ngã 4 Thọ Sơn đến hộ ông Huy tổ 33 – Phố Thành Công	2.000.000
3	<b>Khu phố Long Châu Sa</b>	
	<b>Khu vực Cty xây dựng số 22</b>	
	. Đường từ hộ bà Ngọc đến hộ ông Khanh tổ 10	1.300.000
	. Đường từ hộ ông Khanh đến hộ bà Hới tổ 12	1.300.000
	. Đường từ nhà bà Hới đến hộ nhà bà Quý tổ 11B	1.300.000
	. Đường từ hộ bà Hới đến hộ bà Hằng tổ 11A	1.100.000
	. Ngõ từ bà Lợi tổ 10 đến hộ bà Hòe tổ 10	520.000
	. Đoạn từ hộ ông Lý đến hộ bà Hải tổ 10	700.000
	. Ngõ từ hộ ông Trung đến hộ ông Tường tổ 10	520.000
	<b>Khu vực báo Phú Thọ cũ</b>	
	. Ngõ thuộc băng 1, 2, 3 tổ 11A	520.000
	. Ngõ từ hộ bà Hồng đến hộ ông Diên tổ 11A	350.000
	<b>Khu vực rạp Long Châu Sa</b>	
	. Đường từ hộ ông Hưng đến hộ ông Quỳnh tổ 12	550.000
	<b>Khu vực giáp Trạm xá Nhà máy Mì Chính cũ</b>	
	. Từ hộ ông Bình đến hộ ông Cần tổ 15	520.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	200.000

3	<b><i>Khu phố Sông Thao</i></b>	
	<b><i>Khu vực đổi chợ</i></b>	
	. Đoạn đường từ bà Loan đến hộ ông Bổng tổ 8B	1.000.000
	. Đoạn đường từ bà Lâm đến hộ bà Xoan tổ 4A	650.000
	. Đoạn đường từ ông Chiến đến hộ ông Hợi tổ 4A	650.000
	. Ngõ sau chợ Gát (từ hộ ông Hi đến hộ ông Phước tổ 4B)	450.000
	<b><i>Khu hồ hóa chất</i></b>	
	. Đoạn đường từ ông Long đến hộ ông Cường tổ 9B	900.000
	. Đoạn đường từ ông Lâm đến hộ ông Mậu tổ 9A	900.000
	. Các ngõ ven hồ hóa chất tổ 8B	350.000
	<b><i>Khu đội xe Xi nghiệp 4 cũ</i></b>	
	. Đoạn đường từ bà Thêu đến hộ ông Dũng tổ 9B	870.000
	<b><i>Khu đổi vật tư</i></b>	
	. Ngõ từ hộ ông Quỳnh đến đường sắt tổ 2	420.000
	. Ngõ từ hộ bà Trường tổ 2 đến hộ ông Tổ tổ 3	315.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	200.000
4	<b><i>Khu phố Đoàn Kết (Khu vực 221)</i></b>	
	. Đoạn đường từ hộ ông Bài đến hộ bà Truyền tổ 17	870.000
	. Đoạn đường từ bà Hợp đến hộ ông Toại	700.000
	. Các ngõ thuộc băng 2 tổ 16.22	520.000
	. Các ngõ thuộc băng 3 tổ 16.22	350.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	200.000
5	<b><i>Khu phố Thành Công</i></b>	
	<b><i>Khu đổi lắp máy</i></b>	
	. Đoạn đường từ hộ bà Thủy đến hộ ông Chiến tổ 27B	1.000.000

	. Các ngõ băng 1, băng 2 đòi lắp máy tổ 28	420.000
	<i>Khu đòi A</i>	
	. Các ngõ băng 1, băng 2 tổ 30	520.000
	. Các ngõ băng 1, băng 2 tổ 33	350.000
	<i>Khu đòi Chùa</i>	
	. Các ngõ băng 1, băng 2 tổ 34	350.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	200.000
<b>PHƯỜNG TIÊN CÁT</b>		
<b>1</b>	<b><i>Các tuyến đường lớn</i></b>	
	. Đoạn từ đường Âu Cơ đến cổng trường Chính trị Tỉnh	2.800.000
	. Đoạn từ UBND phường Tiên Cát đến Trung tâm GDTX	2.500.000
	. Từ tiếp giáp đường Hùng Vương (công Cty xuất nhập khẩu) đến ngã 3 dài Truyền thanh Việt Trì cũ	2.000.000
	. Từ Hải quan Việt Trì dọc đường sắt đến chợ Trung tâm	2.100.000
	. Từ đại lộ Hùng Vương qua công Cty bia Hồng Hà ra đường Sông Thao	1.500.000
	. Từ đại lộ Hùng Vương đi qua đường sắt vào cổng Máy xay cũ	1.500.000
	. Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến Cty Bê tông Vật Liệu XD	2.000.000
<b>2</b>	<b><i>Khu phố Thành Công</i></b>	
	. Đoạn từ cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên qua trường Văn hoá nghệ thuật đến đường công viên Văn Lang	1.200.000
	. Đoạn từ cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên qua đê Hàng và đến đường công viên Văn Lang	1.200.000
	. Đoạn từ cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên đến ngã 3 tổ 38 các hộ còn lại tổ 39	800.000
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 38	500.000
<b>3</b>	<b><i>Khu phố Tiên Sơn</i></b>	
	. Từ cổng Đảng uỷ cơ quan tỉnh qua nhà thờ họ Lưu đến đường nam công viên Văn Lang	1.300.000

	. Từ ngã 3 nhà thờ họ Lưu qua hội trường khu đến đường nam công viên Văn Lang	1.000.000
	<b>. Các hộ còn lại tổ 41</b>	800.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500.000
<b>4</b>	<b><i>Khu phố Đoàn Kết</i></b>	
	. Từ đại lộ Hùng Vương đến tập thể Vật liệu chất đốt cũ	1.200.000
	. Từ đại lộ Hùng Vương đến Cổng trường tiểu học Chính Nghĩa	1.000.000
	. Từ ngã 3 Công an phường Tiên Cát qua nhà thờ Họ Giáo đến tiếp giáp khu tái định cư tổ 17	1.000.000
	. Từ ngã 3 đi dọc bờ tường bột giặt VIMEX đến đường Đoàn Kết	1.000.000
	. Từ khu tái định cư tổ 17 đến đường Sông Thao	1.500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại trong đê	400.000
	. Các ngõ hẻm còn lại ngoài đê	250.000
<b>5</b>	<b><i>Khu phố Minh Hà</i></b>	
	. Các hộ còn lại tổ 18A	2.500.000
	. Các ngõ còn lại (thuộc bảng 2)	1.500.000
<b>6</b>	<b><i>Khu phố Mai Sơn II</i></b>	
	. Các đường khu Mai Sơn II	800.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500.000
<b>7</b>	<b><i>Khu phố Hồng Hà</i></b>	
	. Đường Tiên Dung song song với đường sắt đến đường Ngọc Hoa	1.000.000
	. Đường Tiên Dung	1.200.000
	. Từ đường rẽ vào tổ 4A qua hội trường khu ra đường Sông Thao	800.000
	. Các ngõ hẻm còn lại trong đê	400.000
	. Các ngõ hẻm còn lại ngoài đê	250.000
<b>8</b>	<b><i>Khu phố Sông Thao</i></b>	

	. Từ đường Ngọc Hoa vào đến ngã 3 tổ 7 và tổ 10A + 10B đến cổng Cty Bê tông vật liệu xây dựng	1.000.000
	. Từ đường Ngọc Hoa vào tổ 8B	1.000.000
	. Các ngõ hẻm còn lại trong đê	400.000
	. Các ngõ hẻm còn lại ngoài đê	250.000
9	<b><i>Khu phố Thi Đua</i></b>	
	. Từ UBND phường Tiên Cát đến ngã 3 tiếp giáp tổ 36	1.500.000
	. Từ ngã 3 giáp tổ 36 qua hội trường khu đến đường Tiên Sơn	1.000.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500.000
10	<b><i>Khu phố Tiền Phong</i></b>	
	. Từ đại lộ Hùng Vương vào đến đê Moi	1.000.000
	. Từ đại lộ Hùng Vương vào đến trường tiểu học Tiên Cát	1.300.000
	. Từ trường tiểu học Tiên Cát đến đê Hàng và các ngõ còn lại	500.000
11	<b><i>Khu phố Thọ Mai</i></b>	
	. Đoạn từ Trường Chính trị đến đường Nam công viên Văn Lang	1.500.000
	. Đoạn từ đường Âu Cơ đến đường nam công viên Văn Lang	1.200.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500.000
12	<b><i>Khu phố Gát</i></b>	
	. Khu vực trong đê thuộc tổ 3 và tổ 5	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại (tổ 1 + tổ 2) trong đê	400.000
	. Các ngõ hẻm còn (tổ 1 + tổ 2) lại ngoài đê	250.000
13	<b><i>Khu phố Mai Sơn I</i></b>	
	. Đoạn từ Trường Chính trị qua nhà ông Quân Đĩnh đến đường Nam công viên Văn Lang	1.500.000
	. Đoạn từ Trường Chính trị đến đường Nam công viên Văn Lang	1.000.000
	. Đoạn từ Trường Chính trị vòng lên hội trường khu tiếp giáp đường Âu Cơ	1.000.000



	. Các ngõ hẻm còn lại	500.000
14	<b><i>Khu phố Anh Dũng</i></b>	
	. Đoạn từ cổng Cty Bê tông ven tường rào Cty Bê tông đến đường Sông Thao	1.000.000
	. Đoạn từ tiếp giáp đường vào cổng Cty Bê tông đến hết sân văn hoá thể thao của khu	1.000.000
	. Khu tổ 13	800.000
	. Tổ 14A đến đường Sông Thao	1.500.000
	. Còn lại của tổ 14A	800.000
	. Cổng Cty Bê tông song song đường sắt đến cung đường ngang	1.000.000
	. Đờng Hùng Vương đến tiếp giáp tổ 14 khu Anh Dũng	900.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500.000
15	<b><i>Khu phố Âu Cơ</i></b>	
	. Từ đường Âu Cơ theo tường rào UBND thành phố ra đến đường Hùng Vương	1.000.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500.000
16	<b><i>Khu phố Tiên Phú</i></b>	
	. Từ ngã 3 Truyền thanh đến đường Tiên Sơn	1.200.000
	. Đường từ ngã 3 Truyền thanh qua tập thể Công ty 26 đến hội trường khu	1.500.000
	. Các đường khu Tiên Phú	1.200.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500.000
<b>PHƯỜNG GIA CẨM</b>		
1	<b><i>Đại lộ Hùng Vương</i></b>	
	. Đoạn đường ngõ 1879 và ngõ 1923	1.200.000
	. Đoạn đường ngõ 1620 và ngõ 1642	1.000.000
	. Đoạn đường ngõ 2173	900.000

	. Đoạn đường ngõ 1783 và ngõ 1538	800.000
	. Đoạn đường ngõ 1655 và ngõ 1679	700.000
	. Đoạn đường ngõ 1548	600.000
	. Đoạn đường các ngõ 1631, 1643, 1719, 1771, 2112 và các hẻm còn lại	500.000
<b>2</b>	<b><i>Đường Đoàn Kết</i></b>	
	. Đoạn đường ngõ 128	800.000
	. Đoạn đường các ngõ 24, 22, 12 và ngõ 102	500.000
<b>3</b>	<b><i>Đường Trần Phú</i></b>	
	. Đoạn đường ngõ 23B	1.200.000
	. Đoạn đường ngõ 23A	800.000
	. Ngõ 07, 13	1.000.000
	. Đoạn đường các hẻm còn lại	300.000
<b>4</b>	<b><i>Đường Hòa Phong</i></b>	
	. Đoạn đường ngõ 2	2.000.000
	. Đoạn đường các ngõ 40 và ngõ 54	1.000.000
	. Đoạn đường các ngõ 68 và ngõ 88	1.000.000
	. Đoạn đường ngõ 102	1.000.000
	. Đoạn đường các hẻm còn lại	500.000
<b>5</b>	<b><i>Đường Châu Phong</i></b>	
	. Đoạn đường các ngõ 303, 317, 346 và ngõ 356	600.000
	. Đoạn đường các ngõ 301, 438, 386, 409, 417 và ngõ 457	600.000
	. Đoạn đường các hẻm còn lại	300.000
<b>6</b>	<b><i>Đường Thanh Xuân</i></b>	
	. Đoạn đường các ngõ 61 (từ số 02 đến 20) và ngõ 78	1.200.000
	. Đoạn đường ngõ 111	900.000

	. Đoạn đường các ngõ 15, 29, 43, 26, 44, 121, 125, 127, 130	800.000
	. Đoạn đường ngõ 169, 188, 174, 180, 183, 184, 186, 211, 249	600.000
	. Đoạn đường các ngõ 141 và ngõ 167	500.000
	. Đoạn đường các ngõ 77, 86, 92, 95, 125, 127, 130, 139, 146, 194, 200, 206, 256, 258, 267, 299 và các hẻm còn lại	300.000
	. Các hẻm ngõ 61 (từ số 02 đến hẻm 6) và hẻm 1 + 2 ngõ 111	500.000
7	<b>Đường Lê Quý Đôn</b>	
	. Từ Sở Khoa học môi trường đến đường sắt	2.000.000
	. Từ số 252 (bà Lân) đến số 354 (bà Tám)	700.000
	. Đoạn đường ngõ 02	1.000.000
	. Đoạn đường ngõ 186, 126, 226	800.000
	. Đoạn đường các ngõ 250 và ngõ 210	800.000
	. Đoạn đường các ngõ 81, 113, 117, 133, 284, 316 và ngõ 354	600.000
	. Đoạn đường ngõ 71	500.000
	. Đoạn đường các ngõ 20, 52, 60, 23 và ngõ 53	400.000
	. Đoạn đường các ngõ 254, 231, 167, 183, 203, 294 và các hẻm còn lại	300.000
8	<b>Đường Kim Đồng</b>	
	. Đoạn đường các ngõ 22, 49, 41 và ngõ 35	600.000
9	<b>Đường Võ Thị Sáu (toàn tuyến)</b>	2.500.000
10	<b>Đường Lê Văn Tám (toàn tuyến)</b>	2.000.000
11	<b>Đường Nhi Đồng</b>	
	. Đoạn đường từ số 02 đến 20	2.500.000
	. Đoạn đường ngõ từ số 02 (ông Bang) đến số 36 (bà Khương)	1.500.000
	. Đoạn đường ngõ 30A	700.000
	. Đoạn đường các ngõ 20, 22, 31 và ngõ 30B và ngõ 36	400.000

12	<b>Đường Phan Chu Trinh</b>	
	. Đoạn đường từ số 02-24, 1-9,13-29, 1-132, 73-105	2.000.000
	. Đoạn đường các ngõ 71, 75, 41 và ngõ 49	1.000.000
	. Đoạn đường các ngõ 15 và ngõ 21	700.000
	. Đoạn đường ngõ 71B và các hẻm còn lại	500.000
13	<b>Đường Lãng Cẩm</b>	
	. Đoạn đường từ Trần Phú đến Thư viện tỉnh	700.000
	. Số nhà 107 ra ngõ 13 (Trần Phú)	700.000
	. Đoạn đường các ngõ 02 và ngõ 49	700.000
	. Đoạn đường ngõ 105	400.000
	. Đoạn đường các ngõ 01, 09, 36, 42, 50, 69, 52, 07 và các hẻm còn lại khu 3+4	300.000
14	<b>Đường 30. 4</b>	
	. Đoạn đường từ số 01 đến số 37	1.000.000
	. Đoạn đường từ số 39 đến số 59	800.000
	. Đoạn đường ngõ 02 (02 đến 54 và 01 đến 19)	800.000
	. Các hẻm còn lại	500.000
15	<b>Đường Hà Huy Tập</b>	
	. Đoạn đường các ngõ 11, 21 và hẻm 6	1.000.000
	. Đoạn đường ngõ 47	500.000
	. Đoạn đường từ cây xăng Gia Cẩm qua tiểu học Tiên Dung đến đường Hà Huy Tập	3.000.000
16	<b>Đường Nguyễn Thái Học</b>	
	. Đoạn đường từ đại lộ Hùng Vương đến nhà ông Bảo	3.000.000
	. Đoạn đường các ngõ 10, 73 và ngõ 85	800.000
17	<b>Đường Hoàng Hoa Thám</b>	

	. Đoạn đường từ số 01 (nhà ông Chinh) đến số 31 (Trung tâm dạy nghề Sở lao động)	2.500.000
	. Đoạn đường từ trung tâm dạy nghề đến đường Nguyễn Thái Học	1.500.000
	. Đoạn đường ngõ 31 từ số 02 đến số 46	800.000
<b>PHƯỜNG NÔNG TRANG</b>		
1	<b><i>Các tuyến đường lớn</i></b>	
	<b>. Đường Nguyễn Du từ nút A10 hết đường nhựa nhà ông Biễn</b>	
	. Đường Hoàng Hoa Thám	2.000.000
	. Đoạn từ đại lộ Hùng Vương vào cổng Bộ CHQS tỉnh Phú Thọ	2.000.000
2	<b><i>Khu phố 1A</i></b>	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương qua buđiện Nông Trang vào khu 1A (đến đường ngang sau rạp Hoà Phong)	850.000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương qua UBND phường Nông Trang vào khu 1A	850.000
	. Đường từ đường Hùng Vương qua cổng Cty Ong vào khu 1A đến đường ra Đình Nông Trang	850.000
	. Đường ngang khu 1A ( từ rạp Hoà Phong đến dốc ngược)	700.000
	. Đường từ đường Hoà Phong (từ A9.C9) qua nhà ông Thuật, nhà ông Chúc đến điểm rẽ Đình Nông Trang	700.000
	. Đường khu 1A, 1B	700.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	200.000
3	<b><i>Khu 1B</i></b>	
	. Đường từ nút C9 đường sắt đi Hương Tràm (Dũu Lâu)	700.000
	. Đoạn từ tiếp giáp đường C9 đi Hương Tràm qua nhà ông Bình (Tổ trưởng 9B) đến nhà ông Quý tổ 9A	700.000
	. Đoạn từ tiếp giáp đường C9 đi Hương Tràm qua nhà ông Tuấn (Thành đội) đến hết khu tập thể Cty may cũ	700.000
	. Các ngõ hẻm khu 1B (đội Pháo)	250.000

	. Các ngõ hẻm khu 1B (đôi Mỏ Quàng)	200.000
4	<b>Khu phố 2A</b>	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương qua cổng chợ Nông Trang đến đường 20-7	2.500.000
	. Đường từ A10-C10 ven tường bệnh viện Đệ đến nhà ông Minh	900.000
	. Đoạn nối từ A10-C10 đường vào cổng Tỉnh đội (qua cấp 2 Đệ)	700.000
	. Đường tiếp giáp đường 20/7 (nhà ông Viện tổ 17 đến gặp đường sau cổng Tỉnh đội)	900.000
	. Đường từ đại lộ Hùng Vương (nhà ông Hải) đến nhà ông Minh (cả đường trên và dưới)	700.000
	. Ngõ tiếp giáp đường đi 20/7 qua Bệnh xá Tỉnh đội cũ vòng ra nhà ông Công trưởng khu 2A	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 2A	200.000
5	<b>Khu phố 2B</b>	
	. Đường tiếp giáp từ đường Hùng Vương đến đình Nông Trang	950.000
	. Đường từ tiếp giáp vào cổng Tỉnh đội xuống nhà ông Hải	800.000
	. Ngõ từ sau cổng Tỉnh đội xuống trường tiểu học Nông Trang cũ vòng ra đường sắt về cổng sau Tỉnh đội	800.000
	. Ngõ nối đường qua BHYT vào Tỉnh đội và từ Tỉnh đội xuống dốc ngược	600.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 2B	200.000
6	<b>Khu phố 3</b>	
	. Đường tiếp giáp đường đi Cty xây dựng hạ tầng vào hết nhà trẻ Hoa Sen (khu Lâm Thắng)	800.000
	. Ngõ từ nhà trẻ Hoa Sen ra đường sắt (gianh giới khu 3.4) đến đường rẽ khu 5	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 3	200.000
7	<b>Khu phố 4</b>	
	. Ngõ từ nhà trẻ Hoa Sen vòng sau qua nhà ông Long ra đường sắt đến tiếp giáp khu 3	350.000

	. Ngõ từ nhà trẻ Hoa Sen đến tiếp giáp khu 6B	350.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 4	200.000
8	<b>Khu phố 5</b>	
	. Ngõ từ đường sắt qua cổng nhà ông Thứ đi Dữu Lâu	500.000
	. Ngõ từ đường sắt qua nhà trẻ Hoa Phượng đến hết đường khu 5	300.000
	. Ngõ từ nhà trẻ Hoa Phượng vòng qua nhà ông Huệ (trưởng khu cũ) đến hết đường	300.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu phố 5	200.000
9	<b>Khu phố 6A</b>	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương vòng sau chợ Nông Trang qua nhà ông Cát (trưởng khu 6A cũ) đến cổng sau chợ	700.000
	. Ngõ từ tiếp giáp đường Hùng Vương qua nhà ông Tâm (trưởng khu cũ) đến nhà ông Trương Nga	350.000
	. Đường chia khu 6A – 6C	350.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 6A	200.000
10	<b>Khu phố 6B</b>	
	. Đường từ ngã tư đồi Ông To đi qua trường đào tạo Công nhân kỹ thuật xây dựng (băng 1 Ông To đến đường sắt)	2.000.000
	. Đường từ tiếp giáp đường 20/7 vào tổ 68 qua trạm y tế đến hết đường	350.000
	. Đường ven trường đào tạo Công nhân xây dựng qua nhà bà Mậu (tổ trưởng 70A) ra đồi Ông To	250.000
	. Đường nội bộ đồi Ông to	250.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu phố 6B	200.000
11	<b>Khu phố 6C</b>	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương (Cty lương thực Vân Cơ) đến ngã tư đồi Ông To đi đường sắt (trại giam)	1.200.000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương qua phòng khám Đa khoa phía bắc đến tường rào Cty xây dựng Hạ tầng	700.000

	. Các ngõ hẻm còn lại của khu 6C	200.000
12	<b>Khu phố 7</b>	
	. Đường từ đường Hùng Vương qua HTX giấy nền Việt Hà cũ ra đường Sông Thao	700.000
	. Đường nối từ đường vào HTX giấy nền Việt Hà cũ qua nhà trẻ Hoa Hồng đến H10 – Từ nhà trẻ đến nhà ông Nghị	700.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu phố 7	200.000
13	<b>Khu phố 8</b>	
	. Đoạn từ đại lộ Hùng Vương qua trạm biến áp ao cá Dệt	1.000.000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương (Công an cứu hoả) vào đường ven ao cá Dệt ra đường Hùng Vương (đến nhà Ông Ngô Đức Thành)	700.000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương (điểm đối diện Cty Ong) vào đến đường ven ao cá Dệt	700.000
	. Đường tiếp giáp đường Sông Thao qua nhà ông Đích đến giáp xã Minh Nông	250.000
	. Bảng II tổ 90, khu 8	250.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu phố 8	200.000
<b>PHƯỜNG VÂN CƠ</b>		
1	<b>Đường Bạch Đằng</b>	
	. Đoạn từ nút A12 đến Cty xây dựng công nghiệp	1.200.000
2	<b>Đường Nguyễn Viết Xuân</b>	
	. Đoạn từ cây xăng Phủ Đức vào đường tàu cắt ngang đi XN Gà	1.680.000
3	<b>Khu phố 1</b>	
	. Đoạn đường từ Hùng Vương vào cổng nhà ông Triệu Tổ 1B	840.000
	. Từ tiếp giáp nhà ông Quý đến nhà văn hoá khu 1	840.000
	. Ngõ từ nhà ông Huân qua nhà ông Tuý tổ 1B	420.000
	. Ngõ từ nhà ông Chi qua nhà bà Hà ra đường sắt tổ 1C	630.000
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 1B, 1C	315.000



	. Đoạn đường từ nhà bà Thu vào cổng xí nghiệp Gà	315.000
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 1A	210.000
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 2	315.000
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 3	210.000
	. Đoạn đường từ nhà bà Trinh tới nhà ông Chi Phán đường BT 10m	600.000
	. Đoạn đường từ nhà ông Chi đến nhà ông Lưu tổ 3A	210.000
4	<b>Khu phố 2</b>	
	. Đường từ khách sạn Hoàng Long vào ao Cty Việt Hà	1.260.000
	. Đoạn đường từ ao Cty Việt Hà vào cổng Trường THCS Vân phú	800.000
	. Đoạn đường từ tiếp đường Hùng Vương vào nhà trẻ Hoa Sen	600.000
	. Các ngõ hẻm sau Bách Hoá xi măng tổ 6 + 8	320.000
	. Đoạn đường bưu điện Vân Cơ vào cổng Chi cục dự trữ	600.000
	. Đường Hồ Xuân Hương: Từ UBND phường Vân Cơ đến hết nhà ông Vinh	840.000
	. Đoạn từ cửa hàng kim khí tiếp giáp đường Hồ Xuân Hương	600.000
	. Đoạn từ nhà ông Dự đến tiếp giáp đường Hồ Xuân Hương	840.000
	. Các ngõ hẻm còn lại thuộc tổ 5, tổ 7	320.000
	. Ngõ hẻm còn lại khu 2 (tổ 9 + 10)	210.000
5	<b>Khu phố 3</b>	
	. Đường Nguyễn Văn Trỗi	1.260.000
	. Đoạn tiếp giáp đường Nguyễn Văn Trỗi qua Cty may đến trường Mầm non tư thục Thanh Vân	840.000
	. Từ trường Mầm non tư thục Thanh Vân đến nhà ông Minh Như	315.000
	. Các ngõ tập thể Cty đường bộ cũ tổ 17B	315.000
	. Ngõ từ nhà ông Thành Đăng vào nhà ông Minh Như tổ 14	420.000
	. Ngõ tiếp giáp đường Nguyễn Văn Trỗi vào Trạm biến thế cát sỏi	210.000

	. Ngõ tiếp giáp đường Nguyễn Văn Trỗi vào qua nhà bà Thái	210.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 3	210.000
<b>6</b>	<b><i>Khu phố 4</i></b>	
	. Đoạn từ Cty CP cửa nhựa cao cấp và xây dựng đến Trại giam	420.000
	. Đường Trần Quốc Toản đến cổng trường tiểu học Vân Cơ	840.000
	. Đường Ngô Tất Tố đến cổng Công ty cơ giới 14	840.000
	. Đoạn từ đường Bạch Đằng đến nhà ông Hiệu	525.000
	. Ngõ Hoà Bình từ Cty Việt hùng vào trường THCS Vân Cơ	420.000
	. Ngõ từ XN cơ giới 14 đến nhà ông Thống	420.000
	. Ngõ sau trường tiểu học và THCS Vân Cơ	210.000
	. Ngõ hẻm Cty xây dựng công nghiệp	210.000
	. Các ngõ hẻm còn lại tại khu 4	210.000
<b>7</b>	<b><i>Khu phố 5</i></b>	
	. Đường Tô Vĩnh Diện: Từ A12 đến dốc đội xe Thủy lợi cũ	1.200.000
	. Từ đội xe Thủy lợi đến hết kho xăng dầu	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 5	210.000
<b>8</b>	<b><i>Khu phố 6</i></b>	
	. Đoạn từ Đại lộ Hùng Vương vào khu tập thể Cty ô tô	600.000
	. Đoạn từ tiệm vàng Công Tuấn đi nghĩa trang Minh Phương	420.000
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 15 + 16	210.000
<b>PHƯỜNG TÂN DÂN</b>		
<b>1</b>	<b><i>Các tuyến đường rẽ từ đường Nguyễn Tất Thành</i></b>	
	. Đường từ LĐLĐ tỉnh đến nhà bà Tích tổ 9 Tân Việt	1.000.000
	. Đường từ BHXH tỉnh đến nhà ông Chính Tân Việt	1.000.000
	. Đường từ hộ ông Giảng tổ 5B đến tiếp giáp đường Trần Phú phía sau Tỉnh uỷ	1.500.000

	. Đường Trung Vương (tiếp giáp đường Trần Phú đến công trường Chính trị thành phố)	1.000.000
	. Đường 13m khu Tân Tiến nối từ đường Tân Bình sang đường Nguyễn Tất Thành	1.500.000
	. Đường khu dân cư đò Ong Vàng (sau bệnh viện tỉnh)	2.000.000
2	<b>Khu phố Tân An</b>	
	. Từ tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành đến nhà bà Loan giáp đường Văn Lang rộng 10m khu tổ 22	1.500.000
	. Đoạn từ nhà ông Chuỳ tổ 22 đến nhà ông Ngọc	800.000
	. Đoạn từ nhà ông Chung tổ 22 đến nhà ông Thành	800.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu dân cư tổ 22	400.000
	. Các ngõ hẻm khu tổ 26B phía sau nhà (ông Điềm) ông Thụ	1.000.000
	. Đường sau nhà Văn hoá Tân An sang nhà ông Nghiệp tổ 26B	500.000
	. Đường bao quanh đò Mâm Xôi khu tổ 24+25+26A	1.500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 24 – 25 đò Mâm Xôi	1.000.000
	. Đoạn từ nhà ông Kim Minh đến tiếp giáp đường bao đò Mâm Xôi	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 24 – 25 đò Mâm Xôi	500.000
	. Bãng nhà ông Trụ và nhà ông Kiệt	300.000
	. Ngõ hẻm nhà bà An Tĩnh tổ 25	300.000
	. Ngõ nhà ông Kế Duyệt tổ 25 Tân An	1.500.000
	. Đường khu tổ 20B từ nhà ông Tuấn đến nhà ông Tần và xuống khu dân cư mới	1.500.000
	. Đường khu tổ 19B từ nhà ông Viêt đến tiếp giáp đường Châu Phong (khu giáo viên trường chuyên Hùng Vương)	1.000.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu vực phố Tân An	500.000
3	<b>Khu phố Tân Tiến</b>	
	. Đường khu tổ 18B từ nhà bà Thanh Cảnh đến nhà ông Nhu và từ nhà bà Ngọ đến nhà bà Đù	500.000

	. Đường từ nhà ông Thanh đến nhà bà Tài và phía sau Sở xây dựng, Sở giáo dục, Tòa án tỉnh	500.000
	. Đường từ Công an phường Tân Dân đến nhà ông Cửu Bình	1.000.000
	. Đoạn từ nhà bà Giao tổ 17A đến nhà ông Mậu	1.000.000
	. Đoạn từ nhà ông Sinh tổ 15A đến nhà bà Bình giáp hộ ông Nhạc Tiến chạy dọc phía sau khối cơ quan	1.000.000
	. Đường ngang từ đường Tân Bình sang đường Nguyễn Tất Thành (từ Mặt trận tổ quốc tỉnh đến nhà bà Toàn)	1.000.000
	. Đường ngang từ đường Tân Bình sang đường Nguyễn Tất Thành (khu tổ 14 giữa Sở Tài nguyên và môi trường và Viện kiểm soát)	1.000.000
	. Đoạn từ nhà ông Huyền tổ 11 đến nhà ông Nam tổ 12	1.000.000
	. Đường rộng 6,5m + 7m trong khu dân cư phố Tân Tiến	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại trong khu dân cư phố Tân Tiến	300.000
4	<b>Khu phố Tân Phú</b>	
	. Đường khu tổ 23 sau trường Dự bị Đại Học từ nhà ông Sơn đến nhà ông Tụ	1.500.000
	. Đoạn từ nhà bà Hiên đến nhà bà Nga tổ 27B	1.500.000
	. Đường rộng 11m khu tổ 29A+29B thuộc băng 2+3 đôi Gò Cạn	1.000.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu đôi Gò Cạn	500.000
	. Khu trại C tổ 28A từ nhà ông Xuyên đến nhà ông Khoản, Sơn	1.000.000
	. Đoạn từ tiếp giáp đường Trần Phú xuống chợ Tân Dân	2.500.000
	. Băng 2 khu trại C từ nhà ông Xuân đến nhà ông Khoa Trục	800.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500.000
5	<b>Khu phố Tân Thành</b>	
	. Đoạn từ nhà ông Minh Xuân đến nhà ông Khoa (khu chợ)	700.000
	. Đoạn từ nhà bà Thanh đến nhà bà Hữu khu Trầm Mộc	500.000
	. Đoạn từ nhà ông Lan đến giáp nhà ông Bình Năm	700.000

	. Các đường ngõ phía sau đài Truyền thanh tỉnh tổ 7A+7B từ nhà ông Tình đến nhà ông Quân, nhà ông Đoái xuống đến giáp cơ quan đài Truyền hình	500.000
	. Đoạn từ cổng đài Truyền hình tỉnh đến giáp nhà ông Thạch tổ 7a đường Tân Đức	500.000
	. Đoạn từ nhà ông Cường Dung đến nhà ông Thạch tổ 2 và nhà ông Ngư đến nhà bà Thuận	400.000
	. Các ngõ hẻm còn lại phố Tân Thành	300.000
6	<b>Khu phố Tân Việt</b>	
	. Đường Tân Việt từ tiếp giáp đường Trần Phú đến nhà ông Hùng tổ 5A	700.000
	. Đoạn từ nhà ông Nhung đến tiểu đoàn 2 lữ đoàn 297	600.000
	. Đoạn tiếp giáp phía sau nhà ông Hùng xuống qua nhà ông Đăng đến Miếu	400.000
	. Tiếp giáp nhà ông Chính đến nhà ông Bảo Lợi	500.000
	. Đường từ ngã 4 đài Truyền hình (trước nhà ông Minh Xuân đến khu C)	200.000
	. Các ngõ hẻm còn lại của khu phố Tân Việt	200.000
	. Đường quy hoạch khu đê Then Cửa Đình	300.000
	<b>PHƯỜNG DỮ LÂU</b>	
	. Băng II đường Trần Phú	1.000.000
	. Băng II đường Nguyễn Du (đoạn từ cây xăng đến nghĩa trang liệt sỹ)	500.000
	. Băng II đường Châu Phong	1.000.000
	. Từ giáp đường Châu Phong đến hết trường dạy nghề (đôi Cây Móc và đôi Gò Giữa)	500.000
	. Đường Đê Mát (đoạn từ tiếp giáp đường Trần Phú đi đê Sông Lô)	500.000
	. Đoạn đường từ đường Trần Phú đến hết trụ sở UBND phường Dữ Lâu (đường Đê Sòi)	1.000.000
	. Đoạn từ UBND phường Dữ Lâu đến Lợi Mua	200.000

. Đoạn từ Lợi Mua đến giáp đường Nguyễn Du	300.000
. Đoạn từ đường Trần Phú đến đầu làng Dữu Lâu	300.000
<b>. Các đường còn lại của khu Dữu Lâu</b>	
. Đường bao quanh Trường Dạy nghề	500.000
<b>. Đường từ tổ 4A khu Hương Trầm đến đôi Ong Vàng</b>	
. Đoạn từ đường Nguyễn Du đến nhà ông Đắc (khu Quế Trạo)	300.000
. Đoạn từ nhà ông Đắc đến đê Sông Lô	300.000
. Đoạn từ nhà ông Đắc đến trại Gà cũ	300.000
. Đoạn từ đường Nguyễn Du đến nhà văn hóa khu Quế Trạo	200.000
. Đoạn từ nhà văn hóa khu Quế Trạo đến Đình Quế Trạo	200.000
. Đoạn từ đê sông Lô đến bến phà Đức Bác	400.000
. Các đường trong tổ 1, 2a, 1b khu Quế Trạo	200.000
. Đất trong tổ 1, tổ 2a, 2b khu Quế Trạo và đất trong tổ 3A, tổ 4A Hương Trầm	150.000
. Các đường trong tổ 3a, 4a khu Hương Trầm	200.000
. Các đường trong tổ 3b, 4b khu Hương Trầm	350.000
. Đất khu dân cư trong tổ 3b, 4b khu Hương Trầm	350.000
. Đất từ nhà ông Lâm tổ 7 đến nhà ông Kết	200.000
. Các đường trong tổ 5, 6, 7 khu Bảo Đà	200.000
. Đất khu dân cư tổ 5, 6, 7 khu Bảo Đà	180.000
. Các đường trong tổ 8,9,10 khu Dữu Lâu	200.000
. Đất khu dân cư trong tổ 8,9,10 khu Dữu Lâu	180.000
. Đất khu dân cư các tổ của khu I	200.000
. Đất khu dân cư thuộc các tổ của khu II	200.000
. Đồng Trầm Thu	500.000
. Đồng Cửa Rừng	300.000

	. Đất các tổ còn lại thuộc khu 3	200.000
	. Đất khu đồi địa chất – khu Hương Trầm	250.000
	. Đất khu vực Rừng Cấm – khu Hương Trầm	200.000
	. Đất băng 3 – đường Trần Phú thuộc tổ 13, 14 khu phố I	300.000
	. Đường từ nhà ông Tiên Tú đến nhà bà Thu khu I	700.000
	. Đường từ chợ Dầu (giáp đường Trần Phú ) đến đồi Sau Sau	700.000

### DANH MỤC PHƯỜNG, XÃ ( 17 ).

#### 1 **Phường (10):**

Gia Cẩm; Tiên Cát; Nông Trang; Thanh Miếu; Bến Gót; Bạch Hạc; Dữu Lâu; Vân Cợ; Tân Dân; Thọ Sơn;

#### 2 **Xã Đồng bằng ( 7):**

Sông Lô; Trung Vương; Vân Phú; Thụy Vân; Phượng Lâu; Minh Phương; Minh Nông;

**BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN ĐOAN HÙNG**ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>	
<b>A</b>	<b>Đường Quốc lộ</b>	
<b>1</b>	<b>Đường QL 2</b>	
<b>a</b>	<b>Đất hai bên đường QL 2 thuộc xã Sóc Đăng</b>	
-	Đoạn từ giáp cổng trường nội trú đến hết hồ Sóc Đăng	800,000
-	Đoạn từ giáp hồ Sóc Đăng đến hết trạm biến thế	700,000
+	Đoạn từ giáp trạm biến thế đến hết trạm kiểm soát liên hợp	600,000
+	Đoạn từ giáp trạm kiểm soát liên hợp đến hết địa phận Sóc Đăng	300,000
<b>b</b>	<b>Đất hai bên đường QL 2 thuộc xã Chí Đám</b>	
+	Đoạn từ đầu cầu Đoan Hùng đến hết trạm thuế Chí Đám	800,000
+	Đoạn từ K21 Tuyên Quang đến cổng Sư đoàn 316 cũ	600,000
+	Đoạn từ giáp trạm thuế Chí Đám đến hết Km 21 Tuyên Quang và đoạn từ cổng Sư đoàn 316 cũ đến hết địa phận xã Chí Đám	300,000
<b>c</b>	<b>Đất hai bên đường QL2 thuộc xã Chân Mộng</b>	
+	Đoạn từ Bru điện Cầu 2 đến nghĩa địa xã Chân Mộng	400,000
+	Đoạn từ giáp nghĩa địa xuôi Việt Trì đến hết địa phận xã Chân Mộng	250,000
+	Đoạn từ tiếp giáp Bru điện Cầu 2 ngược Tuyên Quang đến hết địa phận xã Chân Mộng	250,000
<b>d</b>	<b>Đất 2 bên đường QL2 thuộc xã Minh Tiến</b>	150,000
<b>e</b>	<b>Đất QL 2 xã Tiêu Sơn</b>	
	Đoạn từ đường rẽ vào chợ mới đến hết chợ cũ	200,000
	Đoạn từ chợ cũ đến giáp xã Minh Tiến	110,000
	Đoạn từ chợ mới đến giáp xã Yên Kịen	150,000
<b>f</b>	<b>Đất 2 bên đường QL2 xã Yên Kịen</b>	
	Đoạn từ Cầu Sắt đến hết chợ Yên Kịen	200,000
	Đoạn từ Cầu Sắt đến giáp xã Tiêu Sơn và từ Chợ Yên Kịen đến giáp xã Sóc Đăng	150,000
<b>2</b>	<b>Đường QL 70</b>	
<b>a</b>	<b>Đất hai bên đường QL 70 thuộc xã Tây Cốc</b>	
+	Đoạn từ cổng nhà ông Cương đến hết nhà bà Thông	800,000
+	Đoạn từ trạm thuế đến hết Công ty chè Phú bền	800,000
+	Đoạn từ giáp nhà bà Thông đến Km39 Yên Bái và đoạn từ giáp nhà ông Cương đến cổng lâm trường Đoan Hùng	500,000
+	Đoạn từ K39 đến hết xã Tây Cốc (giáp xã Phúc Lai)	200,000
+	Đoạn từ cổng lâm trường Đoan Hùng đến hết xã Tây Cốc (Giáp xã Ngọc Quan)	200,000
<b>b</b>	<b>Đất hai bên đường QL 70 thuộc xã Bằng Luân</b>	
	Đoạn từ nhà Ông Bảo đến trụ sở UBND xã	150,000



	Đoạn từ UBND xã Bằng Luân đến giáp với xã Minh Lương	110,000
	Đoạn từ D17 đến giáp xã Quế Lâm	150,000
-	Đoạn từ D17 đến nhà ông Bảo	300,000
<b>c</b>	<b>Đất 2 bên đường QL 70 xã Ngọc Quan</b>	
	Đoạn từ chợ mới đến hết đất X78	200,000
-	Đoạn từ X78 đến giáp xã Tây Cốc	150,000
-	Đoạn từ chợ mới đến giáp thị trấn Đoàn Hùng	200,000
<b>d</b>	<b>Đất 2 bên đường QL70 xã Quế Lâm</b>	
-	Đoạn từ UBND xã đến đường rẽ đi chợ Ngà	150,000
-	Đoạn từ UBND xã đến giáp xã Phúc Lai	110,000
-	Đoạn từ đường rẽ đi chợ Ngà đến giáp xã Bằng Luân	110,000
-	Đoạn từ xã Minh Lương đến giáp xã Bằng Luân và Đại Phạm	110,000
<b>e</b>	<b>Đất 2 bên đường QL70 xã Phúc Lai</b>	
-	Đoạn từ giáp xã Tây Cốc đến giáp xã Quế Lâm	110,000
<b>B</b>	<b>ĐẤT HAI BÊN ĐƯỜNG TỈNH LỘ</b>	
<b>1</b>	<b>Tỉnh lộ 319 từ Tây Cốc đi Cáo Điền Hạ Hoà</b>	
	Đoạn từ nhà máy chè Phú bên đến giáp đường rẽ đi Phúc Lai	100,000
	Đoạn trung tâm xã Ca Đình	60,000
	Đất các khu vực còn lại	40,000
<b>2</b>	<b>Tỉnh lộ 331</b>	
	<b>Đoạn từ xã Sóc Đăng qua Hùng Long đi xã Vụ Quang</b>	
	Đất 2 bên đường thuộc xã Sóc Đăng	100,000
	Đất khu vực trung tâm xã Hùng Long, Vụ Quang	50,000
	Khu vực còn lại	40,000
<b>3</b>	<b>Tỉnh lộ 322 (328 cũ)</b>	
	Khu vực trung tâm xã Vân Du, Hùng Quan	60,000
	Khu vực trung tâm xã Nghinh Xuyên, Đông Khê	50,000
	Khu vực còn lại	40,000
<b>4</b>	<b>Tỉnh lộ 318, 318B, 318C ( 333 cũ)</b>	
	Đất 2 bên đường thuộc xã Yên Kiện	50,000
	Đất thuộc trung tâm xã Vân Đồn, Minh Phú	60,000
	Đất thuộc trung tâm xã Vụ Quang	50,000
<b>5</b>	<b>Tỉnh lộ 319 B (334 cũ)</b>	
	Đất hai bên đường xã Tây Cốc	60,000
	Đất khu Trung tâm xã Phúc Lai, Bằng doãn, Minh Lương	60,000
	Các khu vực còn lại	40,000
<b>6</b>	<b>Tỉnh lộ 319 C (334 cũ)</b>	
	Đất khu Trung tâm xã Minh Lương	60,000
	Các khu vực còn lại	40,000
<b>7</b>	<b>Tỉnh lộ 311</b>	
	Đất hai bên đường thuộc xã Minh Lương	60,000
<b>8</b>	<b>Tỉnh lộ 312</b>	
	Đất hai bên đường tỉnh lộ 312 thuộc xã Chân Mộng	60,000
<b>C</b>	<b>Đất dân cư nông thôn được xác định theo địa giới hành chính</b>	

	Đất khu vực trung tâm xã, khu vực chợ và đất 2 bên đường liên xã	30,000
	Đất hai bên đường liên thôn	20,000
	Đất khu dân cư còn lại của các xã	10,000
<b>II</b>	<b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó .</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất	
<b>IV</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ</b>	
	<b>Thị trấn Đoan Hùng</b>	
<b>1</b>	<b>Đường quốc lộ 2</b>	
+	Đất 2 bên đường QL2 đoạn từ ngã 3 góc gạo đến hết trạm thú y	1,200,000
+	Đất 2 bên đường QL2 đoạn từ cổng trường dân tộc nội trú đến ngã 3 góc gạo	1,000,000
<b>2</b>	<b>Đường QL 70</b>	
+	Đất 2 bên đường đoạn từ ngã 3 Ngân hàng (QL2) đến cổng cận	1,200,000
+	Đất 2 bên đường đoạn từ giáp cổng cận đến hết nhà ông Thêm	700,000
+	Đất 2 bên đường đoạn từ giáp nhà ông Thêm đến hết thị trấn Đoan Hùng (giáp xã Ngọc Quan)	350,000
<b>3</b>	<b>Đất 2 bên đường đê từ ngã 3 góc gạo đi cầu Tế</b>	350,000
<b>4</b>	<b>Đường từ QL 2 vào cổng bệnh viện</b>	
	Đất 2 bên đường đoạn từ QL 2 vào Rạp chiếu bóng cũ	350,000
	Đất 2 bên đường Đoạn từ giáp Rạp chiếu bóng vào cổng bệnh viện	200,000
<b>5</b>	<b>Đường từ giáp QL2 vào cổng huyện Ủy</b>	
-	Đoạn từ giáp QL2 đến hết nhà ông Tuấn	350,000
-	Đoạn từ giáp nhà ông Tuấn đến cổng huyện Ủy	200,000
<b>6</b>	<b>Đường từ giáp QL2 đi tượng đài chiến thắng Sông Lô</b>	
-	Đoạn từ QL2 đến hết nhà ông Bao	200,000
-	Đoạn từ giáp nhà ông Bao đến bến phà cũ	100,000
<b>7</b>	<b>Đoạn từ cổng trường PTTĐ đến đầu cầu Đoan Hùng</b>	
-	Đoạn từ cổng trường PTTĐ đến đường rẽ đi Phong Phú	1,000,000
-	Đoạn từ đường rẽ đi Phong Phú đến đầu cầu Đoan Hùng	700,000
<b>8</b>	<b>Đường từ QL2 đi cầu Hiếu</b>	
-	Đoạn từ tiếp giáp QL2 đến hết viện kiểm sát cũ	350,000
-	Đoạn từ tiếp giáp Viện kiểm sát đến cầu Hiếu	100,000
<b>9</b>	<b>Đường từ ngã 3 góc gạo đi trạm bơm Sóc Đăng ( hết thị trấn)</b>	200,000
<b>10</b>	<b>Các đường nhánh còn lại và băng 2 của đường QL2 và QL 70</b>	100,000
<b>11</b>	<b>Đoạn từ trạm thú y đến cổng nghĩa trang liệt sỹ thị trấn Đoan Hùng</b>	900,000

12	Đoạn từ cổng nghĩa trang liệt sỹ thị trấn Đoan Hùng đến cổng trường THPT Đoan Hùng	700,000
13	Đoạn đường mới mở từ cầu Đoan Hùng đi tượng đài Chiến Thắng Sông Lô	150,000
14	Đất dân cư còn lại thuộc thị trấn	30,000
V	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại Đô thị và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó .	
VI	Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sử dụng vào các mục	
	đích công cộng	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất	

## DANH MỤC THỊ TRẤN, XÃ

### 1. Thị trấn (01)

Thị trấn Đoan Hùng

### 2. Các xã Miền núi (27 xã):

Minh Lương, Bằng Luân, Bằng Doãn, Quế Lâm, Phúc Lai, Tây Cốc, Ca Đình, Ngọc Quan, Yên Kiện, Hùng Long, Vân Đồn, Tiêu Sơn, Minh Tiên, Chân Mộng, Minh Phú, Vụ Quang, Đông Khê, Nghinh Xuyên, Vân Du, Chí Đám, Hữu Đô, Đại Nghĩa, Phú Thứ, Phương Trung, Phong Phú, Hùng Quan, Sóc Đăng.

**BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN PHÙ NINH**ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở NÔNG THÔN:</b>	
<b>A</b>	<b>Đất khu dân cư các xã Trung du: ( Gồm 4 xã có phụ lục đính kèm )</b>	
1	Đất thuộc trung tâm các xã, khu vực chợ.	80,000
2	Đất hai bên đường liên thôn, ( Hoặc đường xã, đường huyện ) ở các khu vực trung tâm đông dân cư.	70,000
3	Đất hai bên đường liên thôn ( hoặc đường xã, đường huyện ) còn lại.	60,000
4	Đất các khu vực dân cư còn lại của các xã.	30,000
<b>B</b>	<b>Đất khu dân cư các xã miền núi: ( Gồm 16 xã có phụ lục đính kèm )</b>	
1	Đất khu trung tâm các xã, khu vực chợ.	50,000
2	Đất hai bên đường liên thôn ( hoặc đường xã, đường huyện ) ở các khu vực TT đông dân cư ở.	40,000
3	Đất hai bên đường liên thôn ( hoặc đường xã, đường huyện ) còn lại.	30,000
4	Đất các khu dân cư còn lại của các xã.	15,000
<b>II</b>	<b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đất đó.</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng:</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó.	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất.	
	<b>ĐƯỜNG QUỐC LỘ VÀ TỈNH LỘ KHÁC</b>	
*	<b>Khu ngã ba Đền Hùng và quốc lộ II</b>	
1	Đất hai bên đường QLII đoạn từ ngã ba Đền Hùng đến đường rẽ vào khu tái định cư số 1 hết tường rào KCN Đồng Lạng.	1,920,000
2	Đường 323B (309 cũ)	
	Đất hai bên đường từ ngã ba Đền Hùng đi Kim Đức đến nhà ông Nguyễn Đức Lân ( cách ngã ba 60m ).	1,100,000
3	Đất hai bên đường từ đường rẽ vào khu tái định cư số 1 giáp tường rào KCN Đồng Lạng đến hạt giao thông 6.	1,320,000
4	Đất hai bên đường, đoạn từ Hạt giao thông 6 đến Cầu Móc ( Đường rẽ vào UBND xã Phù Ninh ).	1,020,000
5	Đất hai bên đường, đoạn từ Cầu Móc đến ngã ba Then và đến đỉnh dốc cao Phù Ninh hết Nhà ông Phạm Huy Toàn.	1,080,000

6	Đất hai bên đường, đoạn từ dốc cao Phù Ninh ( Nhà ông Toàn ) đến hết cầu Lầm.	960,000
7	Đất hai bên đường QLII từ giáp địa giới TT Phong Châu đến hết nhà ông Sự Điền ( Công an Phú Lộc ).	900,000
8	Đất hai bên đường quốc lộ II từ giáp nhà ông Sự đến hết Nhà ông Quýnh.	605,000
9	Đất hai bên đường quốc lộ II từ giáp nhà ông Quýnh đến hết buro điện Phú Lộc.	960,000
10	Đất hai bên đường quốc lộ II từ giáp buro điện xã Phú Lộc đến hết địa phận xã Phú Lộc.	420,000
11	Đất hai bên đường quốc lộ II từ cầu quan đến hết nhà ông Bảy Đậu.	370,000
12	Đất hai bên đường quốc lộ II từ giáp nhà ông Bảy Đậu đến đỉnh dốc Bò cày ( Lương thực cũ Thuộc xã Trạm Thản ).	300,000
13	Đất hai bên đường quốc lộ II từ dốc Bò cày( Lương thực cũ xã Trạm Thản ) đến cách ngã ba Trạm Thản 100m.	250,000
14	Đất hai bên đường cách ngã ba Trạm Thản 100m về phía đi Việt trì và 100m phía đi Đoan Hùng.	350,000
15	Đoạn cách từ ngã ba Trạm Thản đến cầu Trót đi Đoan Hùng	200.000
16	Đoạn còn lại từ cầu Trót đến Chân Mộng Đoan Hùng	150.000
<b>ĐƯỜNG TỈNH LỘ:</b>		
<b>A</b>	<b>Đường 325B( Từ ngã ba Phù lỗ đi Tiên Kiên Lâm Thao ) (310cũ)</b>	
1	Đất hai bên đường, đoạn từ ngã ba Phù lỗ đến đường rẽ vào đền Mẫu Âu cơ 2 mặt tiền đường.	500,000
2	Đất hai bên đường, đoạn từ đường rẽ đi vào đền Mẫu Âu cơ đến hết địa phận thị trấn Phong Châu.	300,000
<b>B</b>	<b>Đường 323C từ giáp QLII đi Phà Then ( 307 cũ)</b>	
1	Đất hai bên đường từ giáp QLII đến quán ông Tầm giáp đường bê tông rẽ vào UBND xã Phù Ninh.	230,000
2	Đất hai bên đường từ đường bê tông rẽ vào UBND xã Phù Ninh đến cách ngã ba chợ An Đạo 50m.	150,000
3	Đất hai bên đường từ cách ngã ba chợ An Đạo 50m qua đường rẽ vào UBND xã An Đạo 200m.	350,000
4	Đất hai bên đường từ cách đường rẽ vào UBND xã An Đạo 200 m đến phà Then.	180,000
<b>C</b>	<b>Các đường khác:</b>	
1	Đất hai bên đường, đoạn ngã ba Trạm Thản đi Liên Hoa đến hết nhà ông Thân .	100,000
2	Đất hai bên đường từ QLII đến hết khu TT Y tế huyện Phù Ninh.	180,000
<b>Đường tỉnh 323D (326cũ)</b>		
3	Đất hai bên đường từ Quốc lộ II đi Bảo Thanh đến cây đa.	190,000

4	Đất hai bên đường từ quốc lộ II đi Phú Nham đến hết Ngân hàng cũ.	160,000
5	Các trục đường chính giáp thị trấn Phong châu: Đoạn đường cảng từ giáp thị trấn Phong Châu đến đất xã An Đạo ( Cảng cảng nguyên liệu), đoạn từ giáp thị trấn Phong Châu đến đất xã Phú Nham (Cổng bắc Công ty giấy) và các đoạn đường trục chính khác trong đường ở giáp đất thị trấn Phong Châu.	160,000
<b>IV</b>	<b>ĐẤT Ở ĐÔ THỊ:</b>	
<b>A</b>	<b>Đất Thị trấn Phong Châu:</b>	
1	Đất hai bên đường (Đường Nam) từ giao quốc lộ II đến cổng chính Công ty giấy Bãi Bằng.	2,100,000
<b>B</b>	<b>Đường quốc lộ II:</b>	
1	Đất hai bên đường, đoạn từ cổng Khách sạn Bãi bằng đến hết nhà ông Hùng Tam.	1,320,000
2	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp nhà ông Hùng Tam đến hết nhà Phòng tài chính.	1,600,000
3	Đất hai bên đường, đoạn từ cửa hàng thương nghiệp đến hết nhà ông Nghĩa Dậu.	1,900,000
4	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp nhà ông Nghĩa Dậu đến hết nhà bà Thiết.	1,600,000
5	Đất hai bên đường từ cầu Lâm đến cổng Khách sạn Bãi Bằng.	1,100,000
6	Đất hai bên đường từ giáp nhà bà Thiết đến ngã ba lắp máy ( Đường rẽ đi cổng bắc ).	1,100,000
7	Đất hai bên đường, đoạn từ ngã ba lắp máy đến hết địa giới thị trấn Phong Châu.	900,000
<b>C</b>	<b>Đường khác:</b>	
1	Đất hai bên đường, đoạn từ cổng chính Công ty giấy ( Đi ra đường cảng ), đến đường rẽ sang khu Mã Thượng đến giáp đường ra cảng.	600,000
2	Đoạn từ đường rẽ sang khu Mã Thượng đến giáp đường ra cảng ( Phía trái đến cổng phèn - Phía phải đến cổng nhà ông Căn Lê ).	600,000
3	Đường trục chính từ giáp cổng chính Công ty giấy đi khu Nam Tiến.	
	Đường trục chính từ giáp cổng chính Công ty giấy hết phần giải nhựa	300.000
	Đường trục chính từ giáp cổng Công ty giấy còn lại đường đất ra cổng Bắc giáp nhà bà Thảo	180.000
4	Đất hai bên đường, đoạn từ nhà khách Công ty giấy qua cổng trường đào tạo đến giáp quốc lộ II.	800,000
5	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp quốc lộ II ( Giáp nhà ông Tâm Thanh ) đến bệnh xá Công ty giấy.	600,000
6	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp quốc lộ II ( Giáp nhà ông Tiến vôi ) đến hết nhà thi đấu Công ty giấy.	600,000

7	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp nhà ông Cao Kỳ đến hết nhà ông Triệu Vương Hà.	800,000
8	Đất hai bên đường, đoạn từ Ngã ba lắp máy đến công bắc Công ty Giấy ( Hết địa phận thị trấn Phong Châu ).	600,000
9	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp QLII ( Ngã ba thương nghiệp cũ ) qua khu TN cũ đến giáp đường nam ( Gần công chính Công ty giấy ).	700,000
10	Đất hai bên đường, đoạn từ QLII ( gần công UBND huyện ) đến hết nhà ông Sáng Mùi.	600,000
11	Đất hai bên đường, đoạn từ ngã ba Phù Lỗ đến nhà trẻ Phù Lỗ.	400,000
12	Đất hai bên đường, đoạn từ nhà trẻ Phù Lỗ đến giáp đường ống.	300,000
13	Đất hai bên đường, đoạn từ nhà ông Căn Lê ( Đường ra cảng ) đến hết địa phận thị trấn Phong Châu.	400,000
14	Đường trục chính còn lại khu Mã Thượng, Đồng Giao, Núi Trang, Bãi Thơi, Đường Nam, Núi miếu, Tầm vòng ( Rải nhựa, có đèn đường), và đường trục chính các khu khác.	300,000
15	Đất còn lại của các ngõ ở trung tâm thị trấn và gần trung tâm.	150,000
16	Đất còn lại của các ngõ và các đường còn lại ở trung tâm thị trấn và gần trung tâm thị trấn.	150,000
17	Đất còn lại của các ngõ và các đường còn lại ở xa trung tâm thị trấn ( Khu 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10 ).	50,000
<b>V</b>	<b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại Đô thị và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đất đó.</b>	
<b>VI</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng:</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó.	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất.	

### **PHỤ LỤC CÁC XÃ (20 XÃ)**

Trong đó:

- Xã Trung du: 04 xã gồm: Hùng Lô, Vĩnh Phú, Tử Đà, Bình Bộ
- Xã Miền núi: 16 xã gồm: Kim Đức, Phù Ninh, An Đạo, Tiên Du, Phú Nham, Phú Lộc, Tiên Phú, Hạ Giáp, Trung Giáp, Bảo Thanh, Gia Thanh, Trì Quận, Trạm Thản, Liên Hoa, Phú Mỹ, Thị trấn Phong Châu.

**BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN YÊN LẬP**DVT: Đồng/m<sup>2</sup>

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>A</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>	
<b>I</b>	<b>Các tuyến đường chính</b>	
<b>1</b>	<b>Tỉnh lộ 321 (qua các xã Hưng Long, Xuân Thủy, Xuân Viên, Xuân An, Lương Sơn, Mỹ Lương, Mỹ Lung.</b>	
<b>a</b>	<b>Hưng Long</b>	
	Từ công trường THPT Yên Lập đến lối rẽ Hồ Mè	100,000
	Từ giáp lối rẽ Hồ Mè đến hết ngã ba Tân Hương	200,000
	Từ ngã 3 Tân Hương đến đập tràn Đồng Bành	70,000
<b>b</b>	<b>Xuân Thủy</b>	
	Khu trung tâm xã (Lối rẽ xóm Nứa đến hết trường THCS)	150,000
<b>c</b>	<b>Xuân Viên</b>	
	Khu trung tâm xã (Từ giáp trường THCS Xuân Viên đến hết nhà ông Huy)	
<b>d</b>	<b>Xuân An</b>	
	Khu trung tâm xã (Từ ngã tư Quảng Thành đến hết nhà ông Sơn Giang)	150,000
<b>đ</b>	<b>Lương Sơn</b>	
	Khu trung tâm xã (Từ nhà ông Hiệu đến Cầu A)	200,000
<b>e</b>	<b>Mỹ Lương</b>	
	Khu trung tâm xã (Từ tràn ngòi Thiệu đến nhà ông Thuận)	150,000
<b>g</b>	<b>Mỹ Lung</b>	
	Đất hai bên ven đường cách trước chợ Mỹ Lung 100m đến cầu Ngòi Lao	100,000
<b>h</b>	Khu vực còn lại dọc tỉnh lộ 321	70,000
<b>2</b>	<b>Tỉnh lộ 313 D (qua xã Ngọc Lập, Phúc Khánh, Đồng Thịnh)</b>	
<b>a</b>	<b>Ngọc Lập</b>	
	Đất hai bên ven đường từ cầu góc Gạo đến lối rẽ Đài tưởng niệm	150,000
<b>b</b>	<b>Phúc Khánh</b>	
	Hai bên ven đường từ xưởng chè ông Quang đến công trường THCS Phúc Khánh	150,000
<b>c</b>	<b>Đồng Thịnh</b>	
	Đất hai bên ven đường từ giáp thị trấn Yên Lập đến Cầu Nghè	250,000
	Khu vực còn lại dọc tỉnh lộ 313	80,000
<b>3</b>	<b>Tỉnh lộ 320 (qua xã Đồng Lạc, Minh Hoà, Ngọc Đồng)</b>	
<b>a</b>	<b>Đồng Lạc</b>	
	Đất hai bên ven đường từ nhà ông Thịnh đến đài tưởng niệm	150,000
<b>b</b>	<b>Minh Hoà</b>	
	Đất hai bên ven đường từ tràn Đồng Guốc đến hết nhà ông Lý	150,000
<b>c</b>	<b>Ngọc Đồng</b>	
	Đất hai bên ven đường từ ngã ba Ngọc Đồng đến cầu Góc sông	100,000
<b>d</b>	Khu vực còn lại dọc tỉnh lộ 320	50,000



<b>4</b>	<b>Tỉnh lộ 321C (Lương Sơn- Phương Xá)</b>	
a	Từ bưu điện Lương Sơn đến hết trụ sở Lâm trường A Mai	150,000
b	Khu vực còn lại dọc tỉnh lộ 32C	50,000
<b>5</b>	<b>Đất dọc đường huyện lộ thuộc xã Thượng long</b>	
a	Đất hai bên ven đường Cách từ lối rẽ đi xóm Đẳng đến lối rẽ vào nhà ông Kim Sàn	150,000
b	Khu vực còn lại	50,000
<b>6</b>	<b>Đất dọc đường huyện lộ xã Nga Hoàng.</b>	
A	Đất hai bên ven đường từ nhà ông Toàn đến hết nhà ông Hải	100,000
b	Khu vực còn lại	20,000
<b>7</b>	<b>Đất dọc đường tỉnh lộ xã Trung Sơn đường 321B</b>	
a	Đất hai bên ven đường từ nhà ông Lợi xóm Nai đến hết nhà ông Trà xóm Cả	50,000
b	Khu vực còn lại	10,000
<b>8</b>	<b>Hung Long</b>	
	Đất dọc tuyến đường từ Trần Thiện đến ngã ba Hung Long	40,000
	Từ ngã ba XN – DV chè Hung Long đến ngã tư Đồng Chung	80.000
<b>9</b>	<b>Đồng Lạc</b>	
	Đường liên xã Đồng Lạc đi Trương Xá	30.000
	Đường liên xã Đồng Lạc đi Hương Lung	30.000
<b>10</b>	<b>Đất dọc các tuyến đường thôn xóm thuộc khu trung tâm xã và đất khu vực chợ các xã</b>	
a	Hung Long, Lương Sơn, Đồng Thạch, Mỹ Lung, Xuân Thủy, Ngọc Lập, Xuân An, Xuân Viên, Mỹ Lương, Phúc Khánh, Thượng Long, Minh Hoà, Đồng Lạc	30,000
b	Nga Hoàng, Ngọc Đồng	20,000
c	Trung Sơn	10,000
<b>11</b>	<b>Đất khu dân cư còn lại của các xã</b>	10,000
<b>II</b>	<b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất thì tính theo giá đó</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng:</b>	
	Nếu chỉ liên kê một loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất	
<b>B</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ</b>	
<b>1</b>	<b>Đất hai bên đường tỉnh lộ 313 (từ ngã ba hạt 8 giao thông đi Cẩm Khê)</b>	
a	Từ ngã ba hạt 8 giao thông đến hết trung tâm giáo dục thường xuyên	400,000
b	Từ giáp trung tâm giáo dục thường xuyên đến hết bưu điện	500,000
c	Từ giáp bưu điện đến lối rẽ vào công ty cổ phần và dịch vụ đô thị	700,000
d	Lối rẽ vào công ty cổ phần và dịch vụ đô thị đến hết ngã 3 bến xe	900,000
đ	Từ giáp ngã 3 bến xe đến đỉnh dốc thủy điện cũ	500,000

e	Từ giáp đình dốc thủy điện cũ đến ngã 3 đường rẽ tỉnh lộ 330	100,000
g	Khu vực còn lại dọc tỉnh lộ 313	80,000
<b>2</b>	<b>Đất hai bên đường tỉnh lộ 321 (Ngã ba bến xe đi Mỹ Lung)</b>	
a	Từ giáp ngã 3 bến xe đến hết thổ cư bà Chát khu chùa 11	500,000
b	Từ giáp thổ cư bà Chát đến hết thổ cư bà Sao khu chùa 11	300,000
c	Từ giáp thổ cư bà Sao khu chùa 11 đến công trường THPT Yên Lập	200,000
<b>3</b>	<b>Đất hai bên đường vành đai chợ thị trấn</b>	
a	Từ ngã 3 công chợ đến lối rẽ vào nhà ông Vị khu Tân An 3	700,000
b	Từ giáp lối rẽ vào nhà ông Vị Tân An 3 đến Hạt 8 giao thông	500,000
<b>4</b>	<b>Đất hai bên đường huyện lộ từ công an huyện đi Thượng Long</b>	
a	Từ ngã 3 công an đến hết ao cá Bác Hồ khu Trung Ngãi 5	500,000
b	Từ giáp ao cá Bác Hồ đến hết nhà bà Thế khu Trung Ngãi 5	250,000
c	Từ giáp nhà bà Thế đến hết nhà ông Thuật khu Đồng Cạn 8	150,000
d	Từ giáp nhà ông Thuật đến hết ranh giới thị trấn Yên Lập	100,000
<b>5</b>	<b>Đất hai bên đường từ ngã ba bưu điện đến hết trường mầm non huyện</b>	
<b>6</b>	<b>Đất hai bên đường ngã ba bến Sơn 16 đến Trần Thiện</b>	40,000
<b>7</b>	<b>Đất hai bên đường liên thôn xóm qua các khu hành chính</b>	
a	Từ nhà ông Khoa đến hết nhà ông Quân khu Tân An 1	150,000
b	Từ giáp nhà ông Quân đến hết nhà ông Vinh khu Tân An 1	100,000
c	Các vị trí còn lại khu Tân An 1,2,3,4	50,000
<b>8</b>	<b>Đất các khu dân cư còn lại thuộc thị trấn Yên Lập</b>	30,000
<b>V</b>	<b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất thì tính theo giá đó</b>	
<b>VI</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng:</b>	
	Nếu chỉ liên kê một loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất	

## PHỤ LỤC CÁC XÃ

### 1. Thị trấn: Thị trấn Yên Lập

2. Xã Miền núi (16 xã): Mỹ Lung, Mỹ Lương, Lương Sơn, Xuân An, Xuân Viên, Xuân Thủy, Nga Hoàng, Trung Sơn, Thượng Long, Hưng Long, Đồng Thịnh, Phúc Khánh, Ngọc Lập, Ngọc Đồng, Minh Hoà, Đồng Lạc.

**BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN THANH SƠN**ĐVT: Đồng/m<sup>2</sup>

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>	
<b>A</b>	<b>ĐƯỜNG QUỐC LỘ</b>	
<b>1</b>	<b>Đường quốc lộ 32A</b>	
	Đất hai bên đường đoạn khu Chanh, Khuôn xã Sơn Hùng (từ điểm tiếp giáp huyện Tam Nông đến Cầu Khánh)	300.000
	Đất hai bên đường đoạn từ cầu 19-5 đến hết đài truyền thanh, truyền hình Thanh Sơn	300,000
	Đất hai bên đường đoạn từ đài truyền thanh, truyền hình đến tiếp giáp xã Địch Quả	150,000
	Đất 2 bên đường thuộc khu trung tâm các xã: Địch Quả, Thu Cúc	300.000
	Đất hai ven đường đoạn ngã 3 Minh Đài (Khu Lũng), trung tâm xã Mỹ Thuận, Tân Phú, Thạch Kiệt, ngã ba vèo	200,000
	Đất 2 ven đường QL 32 A còn lại	50,000
<b>2</b>	<b>Đường quốc lộ 32B</b>	
	Đất hai bên đường thuộc khu Trung tâm xã Thu Cúc	300.000
	Đất ven đường 32 B	50,000
<b>B</b>	<b>ĐƯỜNG TỈNH LỘ</b>	
<b>1</b>	<b>Đường tỉnh lộ 316</b>	
	Đất hai ven đường thuộc khu trung tâm các xã Thạch Khoán, Giáp Lai	200,000
	Đất hai ven đường thuộc các xã Thạch Khoán, Giáp Lai	100.000
	Đoạn từ điểm tiếp giáp thị trấn Thanh Sơn (cầu Dòng) xã Thục Luyện đến ngã ba nhà bà Thứ Tịnh	100.000
	Đất hai bên đường khu trung tâm các xã: Cự Thắng, Tất Thắng, Cự Đồng, Hương Cần, Yên Sơn, ngã ba Tinh Nhuệ	200.000
	Đất hai bên đường còn lại thuộc các xã: Thục Luyện, Cự Thắng, Tất Thắng, Cự Đồng, Hương Cần, Yên Lương, Yên Sơn, Tinh Nhuệ, Thắng Sơn	50,000
<b>2</b>	<b>Đường tỉnh lộ 316 C</b>	
	Đất thuộc trung tâm các xã: Thục Luyện, Võ Miếu	200,000
	Đất hai bên đường khu ngã ba Minh Đài, khu trung tâm xã Văn Luông	100.000
	Đất hai bên đường thuộc tỉnh lộ 316C còn lại	50.000
<b>3</b>	<b>Đường tỉnh lộ 316 D</b>	
	Đất hai ven đường thuộc trung tâm xã Văn Miếu	200.000
	Đất hai bên đường thuộc trung tâm xã Tân Lập, Tân Minh	50.000
	Đất hai bên đường thuộc tỉnh lộ 316D còn lại	20.000
<b>4</b>	<b>Đường tỉnh lộ 317</b>	
	Đất hai bên đường khu trung tâm xã Lương Nha, Tinh Nhuệ	80.000
	Đất hai bên đường thuộc tỉnh lộ 317 còn lại	50.000
<b>5</b>	<b>Đường tỉnh lộ 320</b>	
	Đoạn phía bên trái từ quốc lộ 32A đến hết đất thổ cư hộ bà Đinh Thị Tăng xã Thục Luyện	150.000

	Đoạn phía bên trái từ quốc lộ 32A từ tiếp giáp hộ bà Đinh Thị Tăng (đến cầu Yên đến hết hộ ông Hoàng Ngọc Tăng) xã Thục Luyện	100.000
	Đoạn phía bên phải từ điểm giữa Soi Chéo đến điểm đầu Soi Chũng xã Thục Luyện	150.000
	Đoạn phía bên phải từ điểm đầu Soi Chũng đến giáp cầu Yên xã Thục Luyện	70.000
<b>6</b>	<b>Đường tỉnh lộ 313D:</b>	
	Đất hai bên đường từ ngã ba Việt Tiến đến giáp huyện Yên Lập	50.000
<b>C</b>	<b>ĐƯỜNG HUYỆN LỘ</b>	
<b>1</b>	<b>Đường nối từ ngã ba Vèo đi Kiệt Sơn, Lai Đồng, Đồng Sơn, Tân Sơn:</b>	
	Đất hai bên đường thuộc khu trung tâm xã Kiệt Sơn, Lai Đồng	50.000
	Đất hai bên đường thuộc trung tâm xã Tam Thanh	40.000
	Đất hai bên đường huyện lộ còn lại	20.000
<b>2</b>	<b>Đường Văn Miếu – Vinh Tiên:</b>	
	Đất hai bên đường từ ngã ba chợ Văn Miếu đến hết chợ Văn Miếu	20.000
	Đất hai bên đường thuộc trung tâm xã Tam Thanh	100.000
	Đất hai bên đường thuộc trung tâm xã Vinh Tiên	50.000
	Đất hai bên đường còn lại	20.000
<b>3</b>	<b>Đường Văn Miếu – Khả Cửu – Thượng Cửu – Đông Cửu:</b>	
	Đất hai bên đường thuộc trung tâm xã Khả Cửu	50.000
	Đất hai bên đường thuộc trung tâm xã Đông Cửu, Thượng Cửu	40.000
	Đất hai bên đường còn lại	20.000
<b>4</b>	<b>Đường Thắng Sơn – Hoàng Xá</b>	
	Đất hai bên đường thuộc trung tâm xã Thắng Sơn	100.000
	Đất hai bên đường còn lại	20.000
<b>5</b>	<b>Đường Tất Thắng – Sơn Thủy</b>	
	Đất hai bên đường thuộc trung tâm xã Tất Thắng	100.000
	Đất hai bên đường còn lại	20.000
<b>6</b>	<b>Đường Minh Đài, Xuân Đài, Kim Thượng, Xuân Sơn</b>	
	Đất hai bên đường thuộc trung tâm xã Minh Đài: Từ ngã ba ông Tám đến nhà ông Đắc xóm Minh Tâm	200.000
	Đất hai bên đường từ nhà ông Sử xóm Minh Tâm xã Minh Đài đến ngã ba sang xóm Chèo xã Minh Đài	80.000
	Đất hai bên đường còn lại thuộc xã Minh Đài	50.000
	Đất hai bên đường thuộc trung tâm xã Minh Đài	100.000
	Đất hai bên đường thuộc trung tâm xã Kim Thượng	80.000
	Đất hai bên đường thuộc trung tâm xã Xuân Sơn	50.000
	Đất hai bên đường còn lại	20.000
<b>7</b>	<b>Đường Mỹ Thuận – Thu Ngạc</b>	
	Đất hai bên đường thuộc trung tâm xã Thu Ngạc	50.000
	Đất hai bên đường còn lại	20.000
<b>8</b>	Đất khu trung tâm, khu vực chợ có khả năng sinh lời của các xã còn lại	50.000

9	Đất nằm hai ven đường huyện lộ ngoài khu vực đã tính ở trên	20.000
10	Đất khu tập trung dân cư nông thôn nằm trên các xã	15.000
11	Đất khu dân cư nông thôn còn lại chưa tính ở phần trên	10.000
12	Đất các thôn bản vùng sâu, vùng cao	7.500
<b>II</b>	<b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn, đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó.</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất sử dụng vào các mục đích công cộng</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất.	
<b>IV</b>	<b>ĐẤT Ở ĐÔ THỊ</b>	
	<b>Thị trấn Thanh Sơn (Đô thị loại 5 )</b>	
1	Đoạn từ đường vào Phòng giáo dục đến công đường vào bệnh viện	1.200.000
2	Đoạn từ đường rẽ vào phòng Giáo dục đến hết nhà Ông Hoạch (Điện nước)	1.100.000
3	Đoạn từ hạt kiểm lâm đến hết nhà Ô Hùng Kem	1.100.000
4	Đoạn từ nhà Ô Hoạch điện đến đầu cầu 19/5	1.000.000
5	Đoạn từ ngã ba vào Chợ Vàng đến trạm biến áp	900.000
6	Đoạn từ đường rẽ vào Bệnh viện đến Ao Gia	900.000
7	Đoạn hai ven đường xuống bên cảng	700.000
8	Đoạn từ giáp trạm biến áp đến đường rẽ vào xóm Hoàng Trung	700.000
9	Đoạn hai ven đường vào Bệnh viện (từ giáp quốc lộ 32 A đến công B. viện)	800.000
10	Đoạn quốc lộ 32A từ Ao Gia đến hạt bảy giao thông đối diện nhà Ông Lương	900.000
11	Đoạn từ nhà Ông Bộ kiểm lâm đến hết nhà Ông Thuận Lương	500.000
12	Đoạn từ giáp nhà Ông Lương (hạt bảy) đến Cầu Khánh	600.000
13	Đoạn từ nhà Ông Lộc Tính đến đầu cầu Ròng	500.000
14	Đoạn từ giáp nhà Ông Thuận Lương đến Ao Bong (đường rẽ đội 12 )	400.000
15	Đất hai bên đường tỉnh lộ 316 đoạn từ Ao Bong (đường rẽ đội 12) đến giáp địa phận xã Giáp Lai	300.000
16	Đoạn từ nghĩa trang liệt sỹ đến giáp đường quốc lộ 32 (đường đi lương thực )	500.000
17	Đất nằm phía sau (băng 2 của vị trí 1,2,3 nêu trên )	150.000
18	Đất nằm phía sau (băng 2) của vị trí 4,5,6	150.000
19	Đất hai bên đường vào sân vận động	300.000
20	Hai ven đường nhánh thuộc thị trấn Thanh Sơn (chưa tính ở phần trên)	150.000
21	Đất khu dân cư nông thôn ở thị trấn	150.000
22	Đất còn lại nằm sâu trong các khu dân cư giao thông không thuận tiện	30.000

<b>V</b>	<b>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị, đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó.</b>	
<b>VI</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất.	

## **DANH MỤC CÁC XÃ**

### **1 Thị trấn (1):**

Thị trấn Thanh Sơn

### **2 Xã Miền núi (39):**

Sơn Hùng, Thục Luyện, Giáp Lai, Thạch Khoán, Địch Quả, Cự Thắng, Tất Thắng, Cự Đồng, Thắng Sơn, Hương Cần, Tân Lập, Yên Lương, Yên Lăng, Yên Sơn, Lương Nha, Tinh Nhuệ, Tân Minh, Võ Miếu, Văn Miếu, Tam Thanh, Vinh Tiền, Văn Luông, Long Cốc, Khả Cửu, Đông Cửu, Thượng Cửu, Minh Đài, Xuân Đài, Kim Thượng, Xuân Sơn, Mỹ Thuận, Thu Ngạc, Tân Phú, Thạch Kiệt, Kiệt Sơn, Tân Sơn, Lai Đồng, Đồng Sơn, Thu Cúc

**BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN THANH BA**DVT: đồng/m<sup>2</sup>

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>	
<b>a</b>	<b>Đất hai bên đường QL 2 thuộc khu vực xã Năng Yên</b>	150,000
<b>b</b>	<b>Đất hai bên đường TL 314 Khải Xuân - TThị trấn (Trừ khu vực TT) 311 cũ</b>	
1	Đoạn từ ranh giới huyện (Khải Xuân) đến cách chợ Khải Xuân 150m	150,000
2	Đất 2 bên đường khu vực chợ Khải Xuân 150m (về 2 phía)	350,000
3	Đất từ cách chợ Khải Xuân 150m đến hết cổng nhà máy M1	160,000
4	Đoạn từ giáp cổng nhà máy M1 đến cách chợ Võ Lao 100M	130,000
5	Đoạn khu vực chợ Võ Lao dài 100m (về 2 phía)	400,000
6	Đoạn từ cách chợ Võ Lao 100m đến nhà ông Hải (cầu Võ Lao)	150,000
7	Đoạn từ nhà ông Hải đến ngã 3 Sen (Ninh Dân)	80,000
8	Đoạn từ giáp ngã 3 Sen (Ninh Dân) đến hết biển thể xã Ninh Dân	500,000
9	Đoạn từ biển thể Ninh Dân đến nhà cô Toàn (GV cấp 3)	600,000
10	Đất 2 bên đường đoạn đường từ giáp nhà cô Toàn (GV cấp 3) đến ranh giới với thị trấn	500,000
11	Đoạn từ trường chuyên Đồng Xuân đến hết nhà ông Đằm (làm nghề mộc) Đồng Xuân	300,000
12	Đoạn từ giáp nhà ông Đằm (làm nghề mộc) đến hết đường rẽ đi nông trường Vân Lĩnh	200,000
<b>c</b>	<b>Đất hai bên đường TL 314D Tuyến Đồng Xuân - Cáo Điền - 311 cũ</b>	
1	Đoạn từ đường rẽ đi nông trường đến cổng trụ sở Thanh Vân	150,000
2	Đoạn từ cổng trụ sở Thanh Vân đến cách ngã 3 Hanh Cù 100m	120,000
3	Khu ngã 3 Hanh Cù: Đoạn từ cách ngã 3 Hanh Cù 100m (hớng Thanh Vân xuống) đến biển thể Hanh Cù (đốc Hanh cù hướng Yên Khê) và từ ngã ba Hanh Cù (100m) hướng Hạ Hoà xuống .	250,000
4	Đoạn từ cách ngã 3 Hanh Cù 100m (hướng đi Hạ Hoà) đến cổng trường học Hanh Cù	150,000
5	Đoạn từ trường học Hanh Cù đến ranh giới Thanh Ba, Hạ Hoà	90,000
<b>d</b>	<b>Đất 2 bên đường TL 314B tuyến Đào Giã - Chân Mộng (trừ thị trấn)-312 cũ</b>	
1	Đoạn từ Chân Mộng (Ranh giới huyện Thanh Ba) đến cầu nhà ông Vạn (xã Đại An)	80,000
2	Đoạn từ nhà ông Vạn đến hết nhà ông Sự (mổ lợn)	90,000
3	Đoạn từ giáp nhà ông Sự đến cách ngã 3 Đồng Lương 50m	100,000
4	Đoạn từ cách ngã 3 Đồng Lương 50m đến ranh giới thị trấn (bưu điện Thái Ninh)	120,000
<b>e</b>	<b>Đất 2 bên đường TL 314C tuyến Đồng Xuân - Vũ Yển (trừ thị</b>	

	<b>trần)- 312 cũ</b>	
1	Đoạn từ cầu Ruợu (ranh giới thị trấn) đến hết nhà bà Nhung (thuế)	200,000
2	Đoạn từ giáp nhà bà Nhung (thuế) đến hết cầu đen (Yên Khê)	90,000
3	Đoạn từ giáp cầu Đen đến cây xăng (Yên Khê)	150,000
4	Đoạn từ cây xăng Yên Khê đến hết nhà ông Tuấn (GD phân lân)	200,000
5	Đoạn từ giáp nhà ông Tuấn đến công phân lân cũ	130,000
6	Đoạn từ giáp công phân lân cũ đến hết nhà ông Kiêm xã Vũ yên	170,000
7	Đoạn từ giáp nhà ông Kiêm xã Vũ yên đến dịch vụ phân lân	120,000
8	Đoạn từ giáp dịch vụ phân lân đến hết đường sắt cắt ngang	150,000
9	Đoạn từ giáp đường sắt cắt ngang đến hết chân đê sông Hồng	300,000
<b>f</b>	<b>Đất 2 bên đường TL 313 tuyến Phú thọ- bến phà Tĩnh Cương</b>	
1	Đoạn từ giáp TX Phú thọ đến HTX mua bán cũ (áp phích Thanh Hà)	350,000
2	Đoạn từ giáp HTX mua bán cũ đến chân dốc đê sông Hồng	150,000
3	Đoạn từ đê sông Hồng đến bến phà Tĩnh Cương	160,000
<b>g</b>	<b>Tĩnh lộ 320</b>	
1	Đất hai bên đường TL 320 (Trừ hành lang đê sông Hồng) - 313B cũ	50,000
<b>H</b>	<b>Tĩnh lộ 320C</b>	
1	Đất 2 bên đường TL tuyến Ninh Dân đến giáp ranh TX Phú Thọ	70,000
<b>I</b>	<b>Đường huyện lộ</b>	
1	Đất 2 bên đường huyện lộ tuyến Yên Khê- Hanh Cù	
	Đoạn từ ngã 3 Yên Khê đến trường mầm non xã Yên Khê	200,000
	Đoạn từ trường MN xã đến cách ngã 3 Hanh Cù 400m	100,000
	Đoạn thuộc thị trấn Vân Lĩnh cũ	180,000
2	Đất 2 bên đường huyện lộ từ ngã 3 cây thị đi nông trường Vân Lĩnh cũ	
	Đoạn từ ngã ba cây thị đến công nhà ông Khuất Minh	150,000
	Đoạn từ công nhà ông Khuất Minh đến cách TT Vân Lĩnh cũ 50m	100,000
3	Đất 2 bên đường huyện lộ tuyến Thanh Hà - Đỗ Sơn	70,000
4	Đất 2 bên đường huyện lộ tuyến Võ Lao - Quảng Nạp	50,000
5	Đất 2 bên đường huyện lộ tuyến Đại An - Năng Yên	40,000
6	Đất 2 bên đường huyện lộ tuyến Thanh Xá - Yên Nội - Hoàng Cương	
	Đoạn từ tỉnh lộ 314 đến nhà ông Đạo (Yên Nội)	130,000
	Đoạn từ nhà ông Đạo đến đường sắt ( Hoàng Cương)	80,000
7	Đất 2 bên đường huyện lộ (đường bê tông) tuyến Ninh Dân - Chí Tiên	
	Đoạn từ tỉnh lộ 314 đến đường rẽ (công Lữ đoàn 168)	150,000
	Đoạn từ đường rẽ lữ đoàn 168 đến ngã 3 đường rẽ đi Hoàng Cương	100,000
	Đoạn từ ngã 3 đường rẽ đi Hoàng Cương đến UBND xã Chí Tiên	90,000
	Đoạn từ UBND xã Chí Tiên đến đê sông Hồng	130,000
8	Đất 2 bên đường huyện lộ tuyến Thanh Vân - Đông Lĩnh	60,000



9	Đất 2 bên đường huyện lộ tuyến từ Đồng Xuân đến Phương Lĩnh	50,000
10	Đất 2 bên đường huyện lộ tuyến Võ Lao - Đông Thành - Sơn Cương	
	Đoạn từ tỉnh lộ 314 (chợ Võ Lao) đến hết đất Võ Lao	100,000
	Đoạn từ giáp đất Võ Lao đi Đông Thành đến đường cấp phối tỉnh lộ Ninh Dân	40,000
	Đoạn từ giáp đường cấp phối ( Ninh Dân - Thanh Vinh) đến Sơn Cương	20,000
<b>I</b>	<b>Đất khu vực dân cư các xã vùng trung du</b>	
1	Đất thuộc khu vực trung tâm các xã và khu vực chợ	50,000
	Riêng trung tâm xã và chợ Vũ Yên	250,000
2	Đất 2 bên đường liên thôn các xã	25,000
3	Đất các khu vực còn lại thuộc các xã của cả 2 nhóm trên	20,000
<b>K</b>	<b>Đất các xã thuộc khu vực miền núi</b>	
1	Đất thuộc khu vực trung tâm các xã và chợ	45,000
	Riêng trung tâm xã và chợ xã Võ Lao, xã Khải Xuân	350,000
	Trung tâm xã và khu vực chợ xã Ninh Dân	700,000
2	Đất các khu vực còn lại của các xã trên	15,000
<b>II</b>	<b>Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sử dụng vào các mục</b>	
	<b>đích công cộng</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất	
<b>IV</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ</b>	
	<b>Khu vực nội thị thị trấn Thanh Ba</b>	
1	Đường tỉnh lộ 314 từ cổng xí nghiệp chè đến hết nhà ông Tiến (đường rẽ Yên Nội)	
+	Đoạn từ cổng XN chè đến cổng trường TC Cơ điện	800,000
+	Từ giáp trường TC Cơ điện đến hết nhà ông Nhân bán đồ điện	1,000,000
+	Đoạn từ giáp nhà ông Nhân đến hết nhà ông Tiến (đường rẽ Yên Nội)	1,500,000
2	Đường từ ngã 3 Đào Giã đến cổng XN Chè Phú Thọ	500,000
3	Đường từ ngã 3 Đồng Xuân đến hết cầu trường chuyên	600,000
4	Đường từ nhà ông Tiến (đường rẽ Yên Nội) đến cầu Rượu	500,000
5	Đường từ ngã 3 Đào Giã đến Chân Mộng TL 314B - 312 cũ	
+	Đoạn từ ngã 3 Đào Giã đến hết nhà ông Hội ( Tài chính)	500,000
+	Đoạn từ giáp nhà ông Hội đến cổng Trung tâm GD thường xuyên	240,000
+	Đoạn từ cổng trung tâm GDTX đến hết khu vực thị trấn	180,000
6	Đường từ ngã 3 Đào Giã đi Phú Thọ TL314 (hết khu vực thị trấn)	500,000

+	Đường bê tông từ cổng XN Chè - Xi Măng - đến cây xăng	150,000
7	Đường tránh nội thị từ cầu Văng đến cây Xăng (Đồng Xuân)	
	Đoạn từ cầu Văng đến hết nhà ông Tám (khu 4 - TT)	300,000
	Đoạn từ giáp nhà ông Tám khu 4 - TT đến cổng trường cấp 2 (Đồng Xuân)	200,000
	Đoạn từ cổng trường cấp 2 đến cây xăng	300,000
8	Đường từ ngã 3 Đào Giã đi Hồ Nụ	
+	Đoạn từ ngã 3 Đào Giã đến cầu Bạch	100,000
+	Đoạn từ cầu Bạch đến hết khu vực Thị trấn	60,000
9	Đường từ nhà bà Yên (chè) đến cổng huyện uỷ	70,000
10	Đất vành đai chợ	250,000
11	Đất 2 bên đường tuyến từ nhà ông Tiến (thương binh) đi Yên Nội	
	Đoạn từ nhà ông Tiến đến chân dốc (đường rẽ vào nhà ông Tặng Chè)	300,000
	Đoạn từ chân dốc (đường rẽ) đến hết ranh giới TT	60,000
	Đất 2 bên đường liên thôn còn lại trong khu vực TT Thanh Ba	50,000
12	Đất các khu vực còn lại trong TT Thanh Ba	30,000
<b>V</b>	<b>Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại Đô thị và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở</b>	
	<b>thì tính theo giá đó</b>	
<b>VI</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất	

## DANH MỤC THỊ TRẤN, XÃ

### I Các xã trung du (Có 5 xã):

Đỗ Xuyên, Đỗ Sơn, Lương Lỗ, Thanh Hà, Vũ Yên

- 1 Trung tâm các xã: Khu vực trụ sở UBND xã gồm xã: Đỗ Sơn, Thanh Hà, Đỗ Xuyên, Vũ Yên, Lương Lỗ

Tụ điểm là khu vực chợ ngã 3, ngã 4 có khả năng kinh doanh gồm có: Chợ Đỗ Xuyên

- 2 Vũ Yên, Đỗ Sơn.

### II Các xã Miền núi (Gồm 21 xã):

Thị trấn Thanh Ba, Năng Yên, Quảng Nạp, Đại An, Khai Xuân, Võ Lao, Thanh Vân, Đông Lĩnh, Thái Ninh, Chí Tiên, Đông Thành, Ninh Dân, Hanh Cù, Yên Khê, Đồng

---

Xuân, Hoàng Cương, Thanh Xá, Mạn Lạn, Yên Nội, Phương Lĩnh, và Sơn Cương.

**1 Tỉnh lộ**

Tuyến Khải Xuân- Thị trấn Thanh Ba- Hanh Cù  
Tuyến Chân Mộng- Thị trấn Thanh Ba- Vũ Yên  
Tuyến đường 313 Thanh Hà- bến phà Sơn Cương  
Tuyến Ninh Dân - Đông Thành - Thanh Vinh (Phú Thọ)  
Đông Xuân- Tây Cốc (Đoan Hùng)  
Tuyến đường 320 Sơn Cương- Vũ Yên

**2 Huyện lộ:**

Tuyến Ninh Dân - Yên Nội - Thanh Xá - Hoàng Cương  
Tuyến Võ Lao - Quảng Nạp  
Tuyến Đại An- Năng Yên  
Đông Lĩnh - Thanh Vân  
Thanh Hà - Đỗ Sơn  
Tuyến Võ Lao - Đông Thành - Sơn Cương  
Tuyến Ninh Dân - Chí Tiên  
Tuyến Yên Khê - Hanh Cù

**BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN HẠ HOÀ**ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>	
<b>A</b>	<b>Đường quốc lộ</b>	
<b>1</b>	<b>Đường quốc lộ 70 đi Yên Bái từ Km 19 đến Km 22 xã Đại Phạm</b>	120,000
<b>2</b>	<b>Đường QL 32c từ xã Minh Côi đến xã Hiền Lương</b>	
	Đất hai bên đường từ giáp Ngòi Giành đến hết nhà Anh Thụ ( Chợ Minh Côi)	150,000
+	Đất hai bên đường từ giáp nhà anh Thụ đến đường rẽ vào UBND xã Minh Côi	220,000
+	Đất hai bên đường từ đường rẽ vào trụ sở UBND xã Minh Côi đến ngòi Văn Lang	140,000
+	Đất hai bên đường từ ngòi Văn Lang đến cầu Lường xã Xuân Áng	140,000
+	Đất hai bên đường từ cầu Lường đến cổng phòng khám đa khoa xã Xuân Áng	250,000
+	Đất hai bên đường từ cổng phòng khám đa khoa Xuân Áng đến hết nhà ông Mai xã Hiền Lương	140,000
+	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Mai xã Hiền Lương đến hết nhà ông Phúc (nhà trẻ) xã Hiền Lương	180,000
+	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Phúc (nhà trẻ) đến cầu bê tông (qua Ngòi Văn gần chợ Hiền Lương)	300,000
+	Đất hai bên đường từ nhà ông Nghiệp đến hết nhà ông Minh Ký	250,000
+	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Ký đến hết nhà ông Thắng	150,000
+	Đất hai bên đường từ trụ sở UBND xã Hiền Lương từ ngã ba chợ Hiền Lương đến nhà ông Phương (sửa xe máy)	200,000
+	Đất 2 bên đường đi Quân Khê từ giáp nhà ông Phương( Sửa xe máy) đến giáp xã Quân Khê	150,000
<b>B</b>	<b>Đường Tỉnh lộ</b>	
<b>1</b>	<b>Đất hai bên đường Tỉnh lộ 314D từ Yên Kỳ đi Âm Thượng (311 cũ)</b>	
+	Đất hai bên đường từ giáp Hanh Cù đến ngã ba xã Yên Kỳ	60,000
+	Đất hai bên đường từ ngã ba Yên Kỳ đến cổng trường cấp 1 Yên Kỳ	80,000
+	Đất hai bên đường từ cổng trường cấp I Yên Kỳ đến Đồng bừa xã Hương Xạ	60,000
+	Đất hai bên đường từ Đồng bừa đến ngã ba đường rẽ trụ sở UBND xã Hương Xạ	150,000
+	Đất hai bên đường từ ngã ba đường rẽ trụ sở UBND xã Hương Xạ đến ngã 3 Cáo Điền (ngã 3 đường rẽ trụ sở UBND xã Cáo Điền)	70,000
+	Đất hai bên đường từ ngã 3 xã Cáo Điền đến ngã 3 Phương Viên	70,000
+	Đất hai bên đường từ ngã 3 xã Phương Viên đến ngã 3 làng Tràm xã Âm Hạ	110,000

+	Đất hai bên đường từ ngã 3 làng Trầm Âm Hạ đến hết cổng nhà anh Toàn Âm Hạ	130,000
<b>2</b>	<b>Đất 2 bên đường Tỉnh lộ 314E từ Chu Hưng đến Âm Thượng</b>	
+	Đất hai bên đường từ giáp nhà anh Toàn Âm Hạ đến gò Đầm Đàng xã Âm Hạ	180,000
+	Đất hai bên đường từ Đầm Đàng Âm Hạ đến trạm biển áp Âm Hạ	<b>180,000</b>
+	Đất hai bên đường từ giáp trạm biển áp Âm Hạ đến giáp xã Âm Thượng (TT Hạ Hoà)	80,000
<b>3</b>	<b>Đất hai bên đường tỉnh lộ 320</b>	
	Đoạn từ giáp thị trấn Hạ Hoà đến Xí nghiệp gạch Tuy nen	<b>30,000</b>
	Đoạn từ Xí nghiệp gạch Tuy nen đến đường rẽ vào trường cấp 2 Phụ Khánh	<b>80,000</b>
	Đoạn từ đường rẽ trường cấp 2 Phụ Khánh đến nhà Ông Thư xã Đan Thượng	<b>30,000</b>
	Đoạn từ nhà Ông Thư xã Đan Thượng đến hết nhà Ông Dũng Đan Thượng (đường rẽ vào ga Đan Thượng)	<b>120,000</b>
	Đất hai bên đường từ nhà giáp Ông Dũng (đường rẽ vào ga Đan Thượng) đến giáp nhà Ông Ngô Lợi xã Đan Thượng	<b>30,000</b>
	Đất 2 bên đường từ nhà ông Ngô Lợi xã Đan Thượng đến nghĩa trang xã Đan Thượng	<b>50,000</b>
	Đất 2 bên đường từ nghĩa trang xã Đan Thượng đến hết UBND xã Đan Hà	<b>30,000</b>
	Đất 2 bên đường từ UBND xã Đan Hà đến đường sắt	<b>50,000</b>
	Đất hai bên đường từ đường sắt rẽ đi Hậu Bông đến giáp Nhà máy chè Phú Cường xã Hậu Bông	<b>30,000</b>
	Đất 2 bên đường từ giáp Nhà máy chè Phú Cường xã Hậu Bông đến hết ngã ba xã Hậu Bông (ngã ba lên đê)	<b>80,000</b>
	Đất 2 bên đường từ ngã ba xã Hậu Bông (ngã 3 lên đê) đến hết địa phận tỉnh Phú Thọ	<b>30,000</b>
	Đất hai bên đường từ giáp thị trấn Hạ Hoà (Chè Cúc Đạt) đến đường đê bao xã Minh Hạc (Trần San)	<b>100,000</b>
	Đất hai bên đường từ đường đê bao xã Minh Hạc (Trần San) đến đường rẽ vào Trụ sở UBND xã Lang Sơn	<b>30,000</b>
	Đất hai bên đường từ đường rẽ vào Trụ sở UBND xã Lang Sơn đến bến đò Lang Sơn (bến đò sang Văn Lang)	<b>50,000</b>
	Đất hai bên đường từ đường rẽ bến đò Lang Sơn (bến đò sang Văn Lang) đến Ngòi Trang xã Mai Tùng	<b>30,000</b>
	Đất hai bên đường từ Ngòi Trang xã Mai Tùng đến giáp xã Vụ Cầu	<b>50,000</b>
<b>C</b>	<b>ĐƯỜNG HUYỆN LỘ</b>	
<b>1</b>	<b>Tuyến đường P1 từ ngã 3 Chu Hưng đi Đại Phạm</b>	
+	Đất hai bên đường từ cổng trường cấp II Âm Hạ đến cổng trường cấp I Âm Hạ	50,000

+	Đất hai bên đường từ cổng trường cấp I Âm Hạ đến cổng trụ sở UBND xã Đại Phạm	<b>35,000</b>
+	Đất hai bên đường từ cổng trụ sở UBND xã Đại Phạm đến giáp đường quốc lộ 70( Km22)	<b>35,000</b>
<b>2</b>	<b>Tuyến đường P7 từ Xuân Áng đi trại Tân Lập</b>	
+	Đất hai bên đường từ cửa hàng bách hóa cũ đến hết ngân hàng Xuân Áng	80,000
+	Đất hai bên đường từ giáp ngân hàng Xuân Áng đến cổng trạm Y tế xã Xuân Áng	50,000
+	Đất hai bên đường từ cổng trạm Y tế đến cổng nhà anh Tuấn Mùi Xuân Áng	40,000
+	Đất hai bên đường từ cổng nhà anh Tuấn Mùi đến trại Tân Lập	<b>15,000</b>
<b>3</b>	<b>Đất khu dân cư xã trung du (01 xã Vụ Cầu)</b>	
+	Đất trung tâm xã 2 bên đường tỉnh lộ 320 thuộc xã Vụ Cầu	50,000
+	Đất Khu trung tâm	80,000
+	Đất khu vực còn lại	<b>30,000</b>
<b>4</b>	<b>Đất khu dân cư xã miền núi 32 xã có phụ lục kèm theo</b>	
	Đất hai bên đường TL 320 đến đường rẽ trường cấp 2 Vĩnh Chân	30.000
	Đất hai bên đường từ đường rẽ vào trường cấp 2 Vĩnh Chân đến cổng nhà ông Phi	30.000
	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Phi đến ngã 3 TL 314D rẽ vào UBND xã Hương Xạ	30.000
+	Đất trung tâm xã ven hai bên đường huyện lộ	<b>35,000</b>
+	Đất khu chợ	<b>70,000</b>
+	Đất khu vực còn lại	30,000
	Riêng khu vực Tiên Mỹ xã Xuân Áng và Tiên Lang xã Quân Khê	30.000
<b>II</b>	<b>Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh, Sử dụng vào các mục đích công cộng</b>	
+	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
+	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất	
<b>IV</b>	<b>Đất ở tại đô thị</b>	
+	Đất hai bên đường TL 314E (312 cũ) ngã 3 bưu điện đến ngã 3 chợ ( từ nhà ông Phụng đến đường rẽ bên đò chợ)	600,000
+	Đất hai bên đường từ ngã 3 chợ đến trạm thuế (từ nhà ông Dần đến hết trạm Thuế)	450,000
+	Đất hai bên đường từ Trạm thuế đến khu tập thể Công an trại Tân Lập	220,000
+	Đất hai bên đường từ nhà Xuân Chân (bến đò chợ) đến hết bến xe khách Âm Thượng	550,000
+	Đất hai bên đường từ bến xe khách Âm Thượng đến trạm biển áp (đường quy hoạch vào Trường cấp 3 Hạ Hoà)	120,000

+	Đất hai bên đường từ trạm biến áp (đường quy hoạch vào Trường cấp 3 Hạ Hoà) đến giáp Minh Hạc ( đến XN Chè Cúc Đạt)	100,000
+	Đất hai bên đường từ TL 314E (312cũ) đi khu 4 ( Quy hoạch ) đến đường sắt	70,000
+	Đất hai bên đường đi Y sơn từ nhà ông Phượng đến đến đường rẽ bên đò Âm Thượng – Chuế Lưu	<b>200,000</b>
+	Đất hai bên đường đi Y Sơn từ bến đò Âm Thượng – Chuế Lưu (nhà ông Dur) đến nhà ông Bằng lái đò	<b>140,000</b>
+	Đất hai bên đường đi Y Sơn từ giáp nhà ông Bằng lái đò đến hết nhà ông Nghĩa	<b>120,000</b>
+	Đất hai bên đường đi Âm Hạ từ kênh tiêu Lửa Việt đến hết cây xăng Âm Thượng	260,000
+	Đất hai bên đường đi Âm Hạ từ cây xăng Âm Thượng đến đường rẽ vào trường cấp 3 Hạ Hoà	200,000
+	Đất hai bên đường đi Âm Hạ từ đường rẽ vào Trường cấp 3 Hạ Hoà đến hết nhà bà Oanh Hành	80,000
+	Đất hai bên đường đi Âm Hạ từ giáp nhà Oanh Hành đến hết nhà ông Tâm Thông	150,000
+	Đất 2 bên đường từ Âm Hạ rẽ vào xóm (Bà Nhung Bát) đến hết nhà bà Dung Khánh	100,000
+	Đất hai bên đường đi Âm Hạ từ giáp nhà bà Dung Khánh đến cổng trường cấp I Âm Thượng	150,000
+	Đất 2 bên đường đi Âm Hạ từ nhà ông Phạm Dung đến đường vành đai quy hoạch	90,000
+	Đất hai bên đường đi Âm Hạ từ đường vành đai quy hoạch đến đường rẽ vào nhà ông Thiệp	70,000
+	Đất hai bên đường đi Âm Hạ từ đường rẽ vào nhà ông Thiệp đến giáp xã Âm Hạ	50,000
+	Đất hai bên đường quy hoạch từ giáp TL 314 E đến hết nhà bà Tiến Cần	40,000
+	Đất hai bên đường quy hoạch từ giáp nhà bà Tiến Cần đến đường bê tông khu 4 TT Hạ Hoà	30,000
+	Đất hai bên đường vào trường cấp 3 Hạ Hoà từ nhà anh Hậu đến nhà anh Hòa (phòng GD)	100,000
+	Đất hai bên đường vào công ty giấy Lửa Việt từ nhà bà Lý Loan đến hết nhà Lý Kiêm	160,000
+	Đất hai bên đường vào công ty giấy Lửa Việt từ nhà anh Bang Y tá đến sân bóng Lửa Việt	70,000
+	Đất hai bên đường vào công ty giấy Lửa Việt từ nhà anh Tài đến nhà bà Thao Thả	70,000
+	Đất 2 bên đường bê tông từ nhà bà Tâm Kính đến giáp đường TL 314 (Ô.Tấn Sùng)	70,000
+	Đất hai bên đường đi Bờ dài từ nhà ông Kiêm đến đập Bờ dài (Ao Châu)	100,000
+	Đất hai bên đường bê tông trước cửa nhà Bia từ nhà ông Ba đến nhà ông Mậu	150,000

+	Đất hai bên đường từ TT chính trị đến giáp đường vào trường cấp 3 Hạ Hoà	110,000
+	Đất 2 bên đường vào TT Y Tế Hạ Hoà từ sau nhà ông Thỏa đến hết nhà ông Thụy	250,000
+	Đất hai bên đường vào TT Y Tế Hạ Hoà từ sau nhà ông Thụy đến hết nhà ông Tâm Dương	150,000
+	Đất hai bên đường từ nhà anh Bảy bác sỹ đến đường sắt	150,000
+	Đất hai bên đường bê tông song song với đường sắt từ nhà anh Việt đến nhà ông Quế	80,000
+	Tuyến đường từ TL 314 E lên chùa Kim sơn (bên phải) từ nhà bà Uyển đến cổng chùa	150,000
+	Đất hai bên đường từ TL 314 E lên chùa Kim Sơn (bên trái) từ trạm biến áp đến cổng chùa	100,000
+	Đất hai bên đường song song giáp đường sắt ( Sau công an huyện)	70,000
+	Đất hai bên đường từ Viện Kiểm Sát - Tòa án đến chợ Âm Thượng	150,000
+	Đất hai bên đường sau Viện Kiểm Sát giáp với đường sắt	150,000
+	Đất hai bên đường bê tông từ nhà anh Hoàn đến nhà anh Đạo	60,000
+	Đất hai bên đường vào trường cấp 3 Hạ Hoà (Quy hoạch) từ trạm biến áp đến đường sắt	60,000
+	Đất khu vực còn lại	<b>50,000</b>
<b>V</b>	<b>Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó .</b>	
<b>VI</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh, sử dụng vào các mục đích công cộng</b>	
+	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó	
+	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng mức giá cao nhất	

## DANH MỤC THỊ TRẤN, XÃ

### I Các trục đường chính:

#### 1 Đường quốc lộ:

Quốc lộ 70: Từ Km 19 đến Km 22 xã Đại Phạm

Quốc lộ 32C: Đường từ ngôi Giành xã Minh Côi đến hết xã Hiền Lương

#### 2 Đường tỉnh lộ:

Đường 314 tuyến đường từ xã Yên Kỳ đi Âm Thượng (Km 15)

#### 3 Đường huyện lộ:

a Đường P1 tuyến đường từ ngã 3 Chu Hưng xã Âm Hạ đi Km 22 Đại Phạm

b Đường P2 tuyến đường từ xã Vụ cầu đến xã Liên Phương (Đường kết hợp đê)

c Đường P3 từ Đan Thượng đi Đan Hà

d Đường P4 từ Vĩnh Chân đi Yên Luật

e Đường P5 từ Cáo Điền đi Tây Cốc (Đoan Hùng)



- g Đường P6 từ Bằng Giã đi Mỹ Lung (Yên Lập)
- h Đường P7 từ Xuân Áng đi trại Tân Lập (Yên Lập)

## **II Các xã, thị trấn trong huyện:**

### **1 Thị trấn (01)**

Thị trấn Hạ Hoà

### **2 Xã trung du (01)**

Xã Vụ Cầu

### **3 Xã Miền núi (31):**

Ám Hạ, Phương Viên, Hương Xạ, Yên Kỳ, Cáo Điền, Yên Luật, Hà Lương, Đại Phạm, Phụ Khánh, Lệnh Khanh, Y Sơn, Hậu Bồng, Bằng Giã, Chuế Lưu, Vô Tranh, Lâm Lợi, Động Lâm, Quân Khê, Xuân Áng, Hiền Lương, Minh Côi, Mai Tùng, Đan Hà, Đan Thượng, Gia điền, Minh Hạc, Văn Lung, Lang Sơn, Chính Công, Vĩnh Chân, Liên Phương

**BẢNG GIÁ ĐẤT THỊ XÃ PHÚ THỌ.**DVT: đồng/m<sup>2</sup>;

STT	DIỄN GIẢI	Giá
<b>I</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN.</b>	
<b>1</b>	<b>XÃ VĂN LUNG</b>	
a	<b>Đường từ cầu Quảng đến cầu Dóc km4</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đất các hộ từ cầu Quảng đến hết cầu quán Diết	840,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đất từ Quán Diết đến Cầu Dóc	460,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đất từ nhà ô.Trường đến cầu Dóc	600,000
	Đất khu vực còn lại	50,000
b	<b>Đường liên thôn trở lên</b>	
	Đất hai bên đường bê tông liên thôn, xã, huyện từ 3m trở lên	100,000
	Đất khu vực còn lại	50,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền từ nhà ông Dịp khu 4 đến đường TL 315B	100.000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền từ nhà bà Dung khu 3 đến hết nhà ông Tăng khu 3	100.000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền từ nhà ông Hiền khu 3 đến đường rẽ đi Chiêu Ứng	70.000
<b>2</b>	<b>XÃ HÀ THẠCH</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền TL315 (Giáp T.thịnh đến Bến Phà Ngọc Tháp)	350,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền TL320 (Giáp TL315 đến địa phận Tx Phú Thọ)	250,000
	Đất hai bên mặt tiền đường 320B từ ga xép đi Gò Gai đến hết địa giới xã Hà thạch	210,000
	Đất trung tâm xã Hà Thạch	70,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền TL 320B đến hết địa phận xã Hà Thạch	210.000
	Đất liên xã, liên thôn	70.000
	Đất khu vực còn lại	50,000
	Đất hai bên mặt tiền từ đường ống giáp đường 320 đi xã Xuân Lũng	70,000
	Đất hai bên đường băng 2 đường 320 từ bến phà Ngọc Tháp đi Xuân Huy	100.000
	Đất hai bên đường băng 2 đường 320B từ ga xép đi Gò Gai	100.000
	Đất hai bên đường băng 2 đường 315 từ bến phà Ngọc Tháp đi Trường Thịnh	250.000
<b>3</b>	<b>XÃ THANH VINH</b>	
a	<b>Đất mặt đường TL 313</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ giáp Trường Thịnh đến giáp đường sắt	600,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ đường sắt đến Thanh Hà	400,000
	Đất các khu vực còn lại	50,000

b	<b>Đất mặt đường TL 320</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ giáp Đông Thành đến đường rẽ Chiêu ứng	75,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ đường rẽ đi Chiêu Ứng đến TL 313	350,000
	Đất các khu vực còn lại	50,000
<b>4</b>	<b>XÃ HÀ LỘC</b>	
a	<b>Đọc theo tỉnh lộ 315</b>	
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ ngã 3km5 đến cầu km7	490,000
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ cầu km4 đến km5	420,000
	Khu đất còn lại	50,000
b	<b>Đọc theo tỉnh lộ 311</b>	
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ ngã 3km5 đến đầu Cầu Thia	490,000
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ cầu đến hết địa phận Hà Lộc	280,000
	Khu đất còn lại	50,000
c	<b>Đất trong khu dân cư nông thôn</b>	
	Đất khu vực hai bên đường liên thôn trở lên	70,000
	Khu đất còn lại	50,000
<b>5</b>	<b>XÃ PHÚ HỘ</b>	
a	<b>Đường Quốc lộ II</b>	
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ giáp xã Phú Lộc đến nhà Ô. Nguyễn Ngọc Xuyên khu 3	262,500
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ nhà Ô. Nguyễn Ngọc Xuyên đến nhà bà N.T. Hà khu 13	350,000
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ nhà bà N.T. Hà khu 13 đến đường đi Tràng Xảo	700,000
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ đường rẽ đi Tràng Xảo đến cầu Quan	350,000
	Đất khu vực còn lại	50,000
b	<b>Đường TL 315</b>	
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ nhà bà Lê .T.Thúy giữa ngã 3 cây 8 đến nhà ô. Nguyễn Khắc Giản khu 18	280,000
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ nhà ô. Nguyễn Khắc Giản đến cầu Ông Xi giáp Hà Lộc	140,000
	Đất hai bên mặt tiền Đoạn từ nhà ô. Lê Văn Hồng khu 19 đi cầu Quan giáp Tiên Phú	100,000
	Đất khu vực còn lại	50,000
c	<b>Đường huyện lộ, thị lộ</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường Huyện lộ, Thị lộ	150,000
	Đất khu vực còn lại	50,000
d	<b>Đường liên xã, các đường nhánh</b>	
	Đất hai bên mặt tiền các đường liên xã từ 3m trở lên	100,000
	Đất thuộc trung tâm xã, khu C. ty 21- khu ngã ba cây 8	100,000
	Đất các khu vực còn lại	50,000
	Đất hai mặt tiền Đoạn từ nhà Ô Y khu 4 đến Hà Thạch	150,000
	Đất hai mặt tiền Đoạn từ quốc lộ II đi Tràng Xảo	190,000

<b>6</b>	<b>XÃ THANH MINH</b>	
a	<b>Đất theo trục đường</b>	
	Đất khu vực Thanh Lâu - Thanh Minh	50,000
	Đất khu vực Hạ Mạo - Thanh Minh	60,000
	Đất hai bên mặt tiền đường TL 313	700,000
b	<b>Đất khu vực nông thôn và khu vực khác</b>	
	Đất khu vực nông thôn từ đường liên thôn trở lên	70,000
	Đất các khu vực còn lại	50,000
<b>II</b>	<b>Đất Sản xuất , Kinh doanh phi nông nghiệp tại Nông thôn và đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp thuộc vị trí nào theo đất ở thì tính theo giá đó.</b>	
<b>III</b>	<b>Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng , an ninh ; đất sử dụng vào các mục đích công cộng:</b>	
	Nếu chỉ liên kê 1 loại đất đã nêu trên thì áp dụng mức giá đó;	
	Nếu liên kê với nhiều loại đất khác nhau thì áp dụng theo mức giá cao nhất;	
<b>IV</b>	<b>ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ.</b>	
<b>1</b>	<b>PHƯỜNG HÙNG VƯƠNG</b>	
a	<b>Đường tỉnh lộ 315</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ cổng UBND phường đến ngã tư chợ	1,750,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ ngã tư chợ Phường đến XN đường bộ	1,050,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ Cầu Trắng đến cổng CN điện Phú thọ	1.050,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền trong ngõ 1,2 tổ 23 phố Tân Thành	175,000
	Đất khu còn lại	100,000
b	<b>Đường Tân Thành .</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ Cầu Trắng đến nhà số 8	700,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền trong các ngõ	126,000
	Đất khu còn lại	100,000
c	<b>Đường TL 313</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ ngã tư 27/7 đến cổng Trường bồi dưỡng G.Viên	1,050,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đoạn từ cổng trường bồi dưỡng giáo viên đến số nhà 203	700,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 1 phố Tân Lập từ nhà số 2 đến số 6	280,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 2 phố Tân Lập từ nhà số 2 đến số 18	210,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 3 phố Tân Lập từ nhà số 36 đến số 12	140,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 4 phố Tân Lập từ nhà số 2 đến số 20	100,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 5 phố Tân Lập từ nhà số 2 đến số 20	100,000
	Đất khu vực còn lại	100,000
d	<b>Đường Nhà Dàn</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường Nhà Dàn	560,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 2 phố Long Xuyên từ nhà số 2 đến 10	140,000

	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 3 Phố Long Xuyên (giáp đường sắt)	100,000
	Đất khu vực còn lại	100,000
<b>e</b>	<b>Đường Đoàn Kết</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Đoàn kết	350,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 1 phố Đoàn Kết từ nhà số 3 đến số 33	175,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 3 phố Đoàn Kết	140,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 2 phố Đoàn Kết từ nhà số 2 đến số 16	140,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền các hộ bên hành lang đường sắt	100,000
	Đất khu vực còn lại	100,000
<b>g</b>	<b>Đường Tân An</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền (từ ngã 3 CA cũ đến thôn Liêm)	560,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền các hộ từ nhà văn hoá Tân An theo tường rào XN 27/7 đến nhà số 19 và tổ 7 phố Tân An	140,000
	Đất các hộ thuộc khu vực trường công an cũ	140,000
	Đất các khu vực còn lại	100,000
<b>h</b>	<b>Đường Tân Trung</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền (từ 27/7 đến nhà đa năng trường ĐH H. Vương)	1,050,000
	Đất các hộ dân cư mới QH cạnh trường P.Châu	700,000
	Đất các khu vực còn lại	100,000
<b>I</b>	<b>Đường Sa Đéc</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ ngã tư chợ Phường đến tháp nước	840,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ tháp nước qua tổ 15 phố Sa Đéc đến công trường Sa Đéc	420,000
	Đất các hộ mặt tiền (từ công trường Sa Đéc qua công trường Tiểu học H.Vương đến đường sắt)	280,000
	Đất các hộ băng 2,3 khu quy hoạch mới cho CB giáo viên Đại Học Hùng Vương	280,000
	Đất các hộ mặt tiền đường tháp nước từ số nhà 04 đến số nhà 16	170,000
	Đất thuộc khu tập thể cũ từ số nhà 64 đến số nhà 50	170,000
	Đất từ số nhà 08 đến số nhà 24	140,000
	Đất từ số nhà 24 đến số nhà 06	140,000
	Đất từ số nhà 38 đến số nhà 26	140,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ thể thao từ số nhà 04 đến số nhà 09	210,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ truyền thanh từ nhà số 01 đến số nhà 54	210,000
	Đất các khu vực còn lại	100,000
<b>2</b>	<b>PHƯỜNG ÂU CƠ</b>	
<b>a</b>	<b>Đường tháng 8 và Bạch Đằng</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ gốc cây đa lịch sử qua CA Thị ra bờ sông	1,750,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn đường Bãi Chạp	700,000

	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn đường từ bến xe khách Thị xã đến hết hiệu sách Thị xã	1,050,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn đường từ CN điện đến hết góc đa lịch sử	1,540,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ Giếng Đình	280,000
	Khu đất còn lại	100,000
<b>b</b>	<b>Các đường khác</b>	
	Hai bên mặt tiền đoạn từ Đài truyền thanh đến Phòng công chứng số 2	840,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ góc cây đa lịch sử qua ngã tư góc quẹo đến hết BV đa khoa	1,400,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ ngã tư góc quẹo đến trường Trần Phú	840,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Nguyễn Du đoạn từ chi nhánh điện đến hết hiệu sách thị xã	1,050,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ bến ô tô đến chi nhánh điện	840,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Lê Đông đoạn từ rạp chiếu bóng đến thư viện cũ, đường S. Hồng từ T. Viện cũ đến chợ Mè	1,200,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Ngô Quyền	1,400,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Cao Du	840,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ Bách hoá đến cột 3F	490,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 2 Tân Phú, ngõ 3 Tân Hưng, ngõ 4 Tân Phú	350,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 3 Nguyễn Trãi, ngõ lương thực, ngõ Cao trung	350,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 1 Bạch Đằng	420,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ Giếng Chanh	560,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 4 Tân Hưng, Ngõ Tân Phú, Ngõ 1 tổ 28 Lê Đông, ngõ Giếng Cao, Ngõ tổ 8 Nguyễn Trãi	175,000
	Khu đất còn lại	100,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Nguyễn Khuyến	700,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ chợ phường Âu Cơ đến rạp chiếu bóng	700,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn Đèn Đóm	560,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Tháng 8 đoạn trường Trần Phú đến Thị Đội	700,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ đường ao Viên, ngõ 2 Nguyễn Du	280,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 2 Tân Phú đến cột 3D, ngõ 8/3 đến cột 3c	175,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ 2 Quang Trung, ngõ 4 Quang Trung, ngõ 5 Tân Hưng	140,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Nhật Tân	350,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đường Tân Minh	100,000
	Khu đất còn lại	85,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền ao Bà Y	840,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường Hoà bình	560,000

	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường Tân Bình	175,000
	Đất các hộ mặt tiền ngõ 1 – Lê Đồng, ngõ 3- Lê Đồng, Ngõ Trần Phú – Quang Trung, ngõ 5- Quang Trung	175,000
<b>3</b>	<b>PHƯỜNG PHONG CHÂU</b>	
<b>a</b>	<b>Đường Bạch Đằng</b>	
	Đất từ bên xe đến công an thị xã	1,050,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường Bạch Đằng (từ CATX ra bờ sông)	2,000,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đất ở ngõ tổ 12 ( bà Lân)	280,000
	<b>Đất các hộ hai bên mặt tiền Đất ngõ giếng cóc ( chia làm 2 đoạn):</b>	
	Đoạn 1: Từ số nhà 27 đến số nhà 04	505,000
	Đoạn 2: Từ số nhà 06 đến số nhà 20	280,000
	Khu đất còn lại	100,000
<b>b</b>	<b>Đường Tháng Tám</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn 1: Từ CA Thị xã đến C.ty DV-MT-ĐT	1,300,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ C.ty DV - MT- ĐT đến Toà án	755,000
	Khu đất còn lại	100,000
<b>c</b>	<b>Đường Phố Bình, Phú Thịnh</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền	2,000,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ngõ số 5 phố Phú Thịnh	280,000
	Khu đất còn lại	100,000
<b>d</b>	<b>Đường Nguyễn Du</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền	1,500,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền các hộ đường bê tông tổ 13 phố Phú An	504,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền các hộ ngõ 1,2 ngõ tổ 13 ngõ nhà thờ Phố Phú An	280,000
	Khu đất còn lại	100,000
<b>e</b>	<b>Đường phố Phú Bình, phố Thịnh</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn 1: Từ số nhà 73 đến số nhà 39	1,200,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn 2: Từ số nhà 43 đến số nhà 96	755,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn 3: Từ số nhà 46 đến số nhà 82	590,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền ngõ đền xóm Sỏ từ số nhà 02 đến nhà số 28	504,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền ngõ tổ 8B, ngõ tổ 5, tổ 6, tổ 7	280,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền ngõ tổ 8A ông Sơn	225,000
	Khu đất còn lại	100,000
<b>g</b>	<b>Đường phố Phú Hà</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền (từ Cty may ra bờ sông)	1,000,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường ngõ tổ 3 Phú Hà từ số nhà 47 đến 57 và từ nhà Ô. Cường đến Ô.Bắc	335,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường ngõ bê tông tổ 9 Phú Bình	280,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường ngõ trạm y tế phường	335,000

	Khu đất còn lại	100,000
<b>h</b>	<b>Đường phố Phú An</b>	
	Đất hai mặt tiền từ NHCT đến Trường mầm non Phong Châu	1,200,000
<b>I</b>	<b>Đường TL 315</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền	1,345,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường ngõ tổ 14B Phú An	280,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường ngõ toàn bộ tổ 15,16 phố Phú An	105,000
	Khu đất còn lại	100,000
<b>k</b>	<b>Đường Sông hồng</b>	
	Đất các hộ mặt đường	1,200,000
	Khu đất còn lại	100,000
<b>l</b>	<b>Đường phố mới Phú Hà tổ 2A và 2B</b>	
	Đất các hộ mặt đường phố mới tổ 2A,2B	1,000,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường ngõ 03 Phú Hà	
	Từ số nhà 33 đến số nhà 01	280,000
	Từ số nhà 28 đến số nhà 10	225,000
	Từ số nhà 11 đến số nhà 13	225,000
	Khu đất còn lại	100,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền các hộ đường bê tông tổ 14 phố Phú An	700,000
<b>4</b>	<b>PHƯỜNG TRƯỜNG THỊNH</b>	
<b>a</b>	<b>Đường TL 315</b>	
	Đất hai bên mặt tiền TL 315	1,050,000
	Đoạn phía bên phải đường TL315 đi Ga Phú Thọ	700,000
	Đất khu vực còn lại	50,000
<b>b</b>	<b>Đường nội thị</b>	
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Ven đường Bệnh viện đi trường Y	840,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn giáp trường Dân lập đến Cây tháp	700,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ Cây tháp đến xã Thanh Vinh	700,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ trụ sở UBND phường vào xóm Cao Bang	140,000
	Thôn Liêm giáp Thanh Vinh	50,000
	Phần trong khu giáp Hùng Vương	140,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ trường TH Trường Thịnh đến Cơ Khí Phú thọ	200,000
	Khu giáp xã Thanh Vinh	140,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền Đoạn từ trường Tiểu học Trường Thịnh đến hết nhà ông Bội	220,000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đường từ hết phần đất nhà ông Bội Thiệu đi vào khu 1 hết đường nhựa	140,000
	Khu gò sỏi phía nam ga Phú thọ	175,000
	Toàn bộ khu dân cư thôn Phú Lợi	70,000
	Đất khu vực còn lại	50,000